

ĐẠT MA SƯ TỔ

TỔ SƯ ĐẠT MA

➤ NGHE GIẢNG PHÁP

➤ MÁY NGHE PHÁP TRỰC TUYẾN

Truyền Tâm Pháp Yếu - Hoàng Bá Đại Sư - Dịch_ Thiền Sư Duy Lực.mp3

0:00 / 1:31:41

Lâm Tế ngữ lục Đường lối thực hành Tổ Sư Thiền.mp3

0:00 / 0:00

Mộng Du Tập - Hám Sơn Đại Sư p1.mp3

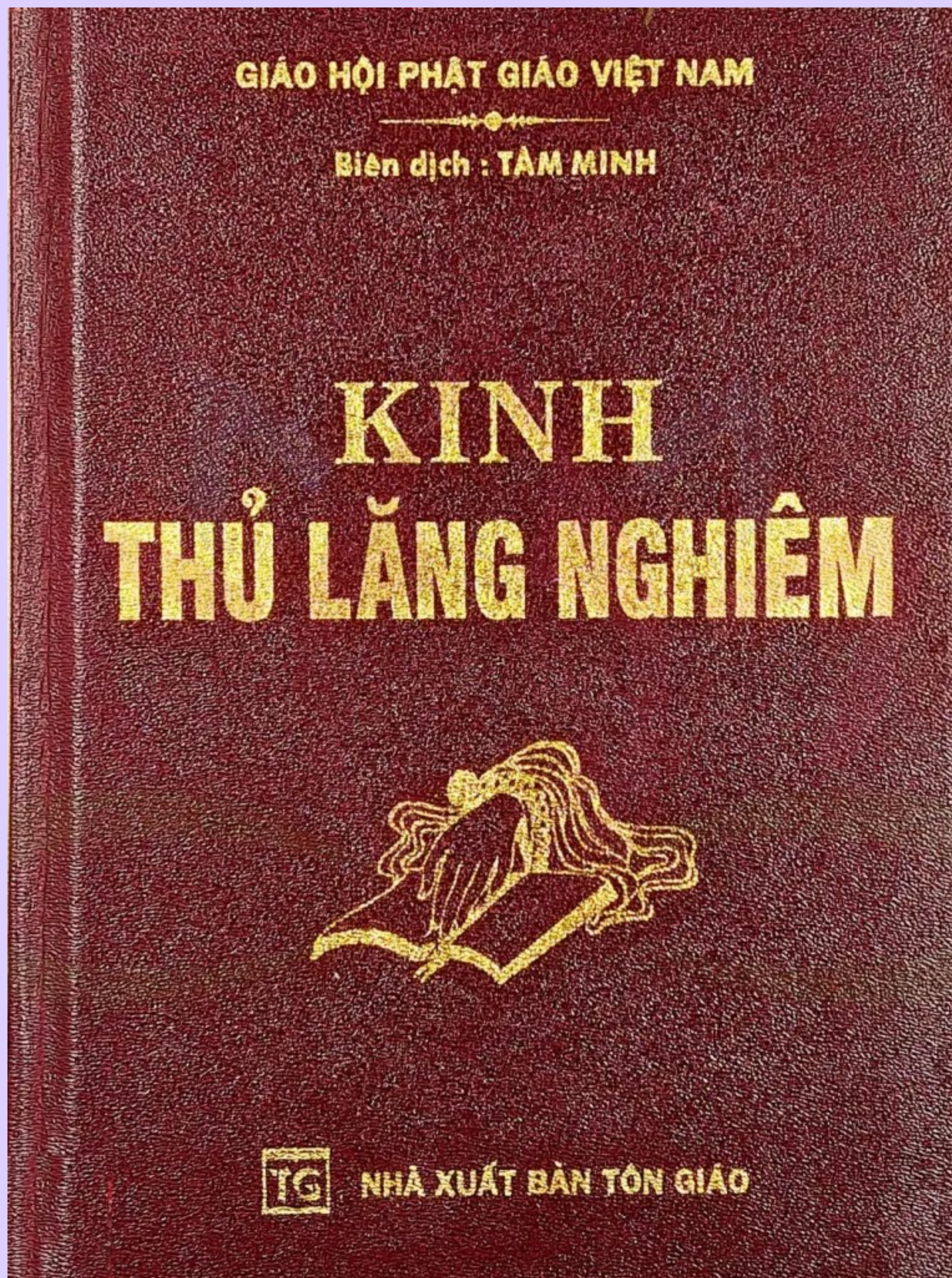
0:00 / 0:00

Mộng Du Tập - Hám Sơn Đại Sư p2.mp3

0:00 / 3:07:02

KINH LĂNG NGHIÊM

0:00 / 8:31:35  



Kinh thủ lăng nghiêm PDF - Thiền Sư Duy Lực

0:00 / 9:42:53  

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM MP3

KINH LĂNG NGHIÊM PDF

KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT



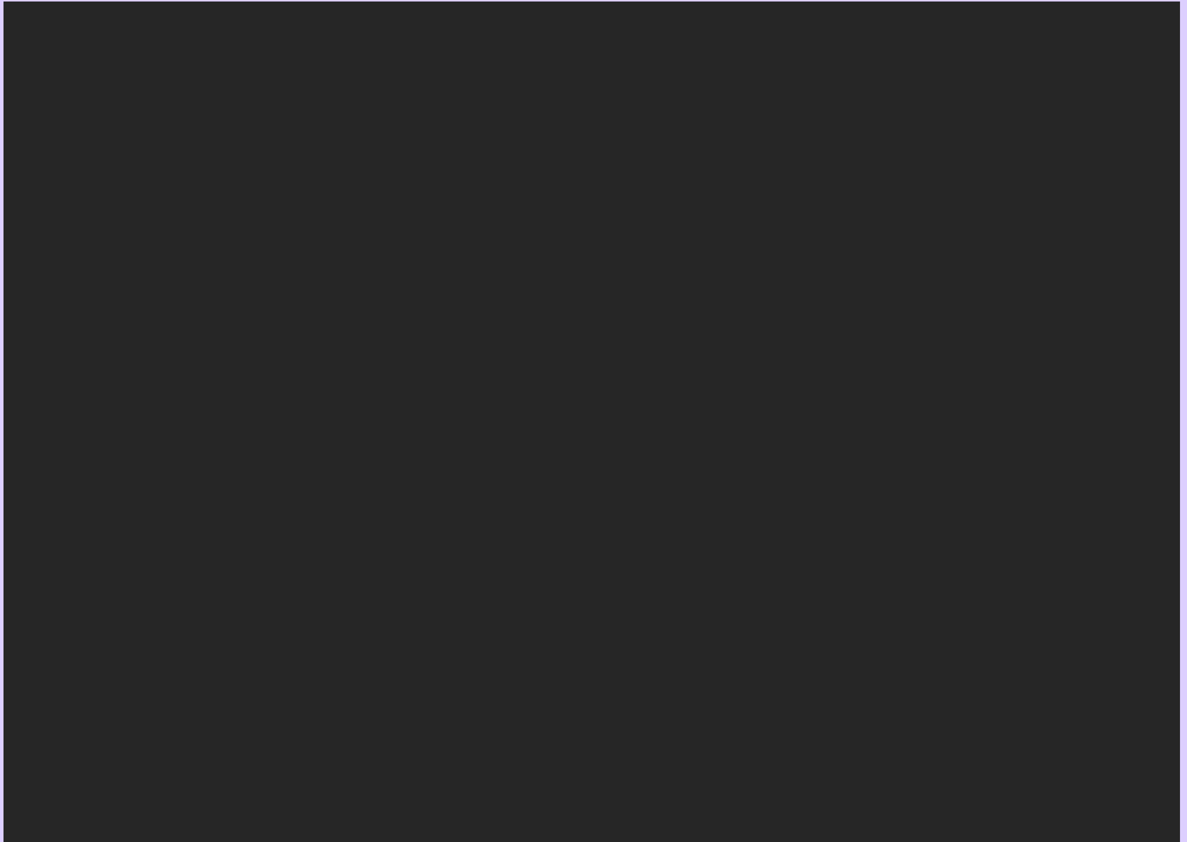
0:00 / 4:32:09 

➔ Download MP3

Đọc Và Xem Kinh Phật Dạng PDF

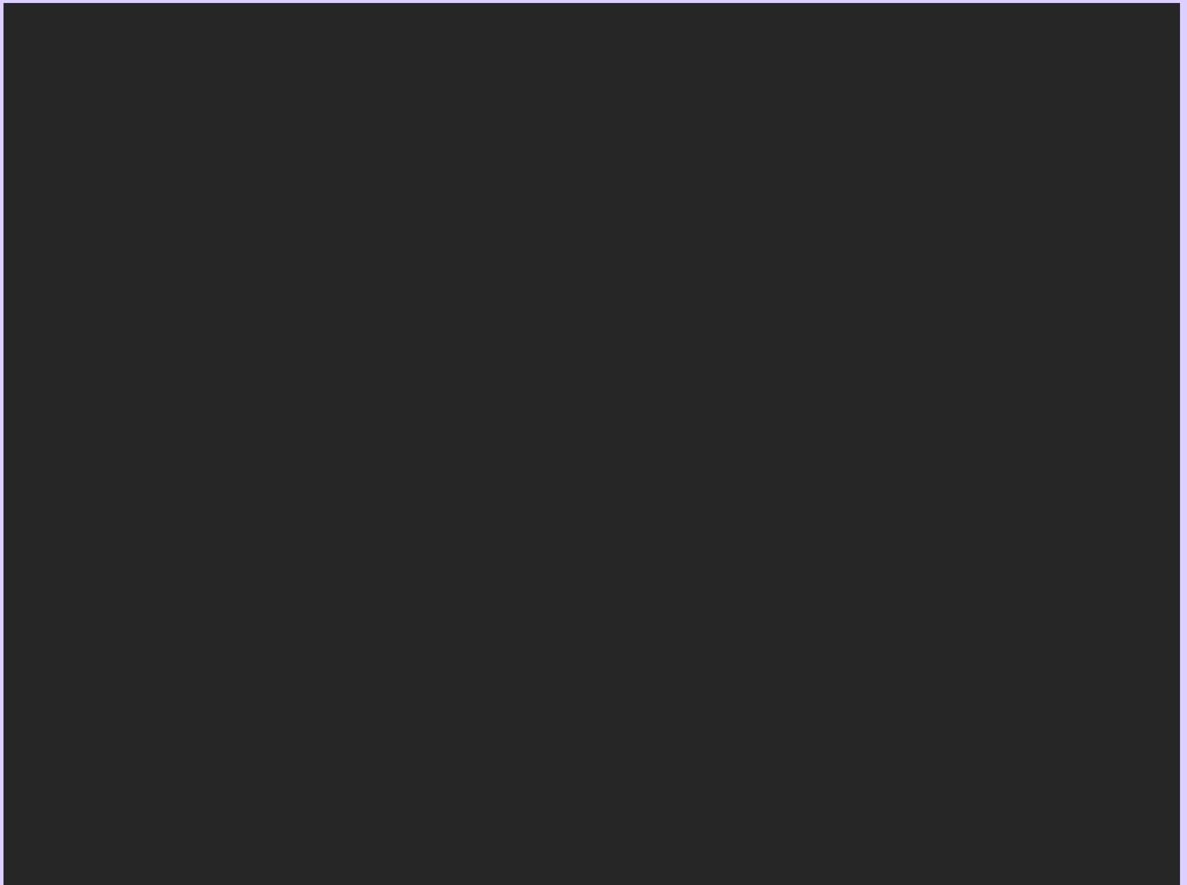


INTERNET ARCHIVE



Kinh-Dia-Tang-Giang-Giai

Télécharger



KINH ĐỊA TẠNG TRỌN BỘ HT THÍCH TUYÊN HÓA Télécharger

BÁT NHÃ TÂM KINH .PDF

KINH VÔ LƯỢNG THỌ.PDF

THIỀN SƯ HƯ VÂN PHÁP NGỮ

TỨ HOẰNG THỆ NGUYỆN.PDF

PHỔ HIỀN HẠNH NGUYỆN .PDF

Kinh Tứ Niệm Xứ.PDF

Tứ Chủng Thanh Tịnh Minh Hối.PDF

BÁT CHÁNH ĐẠO.PDF

Kinh thủ lăng nghiêm.pdf

50 Loại Ấm Ma.PDF

Hòa Thượng Thích Trí Tịnh Toàn Tập.PDF

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA.PDF

KINH HOA NGHIÊM - Q1.PDF

KINH-HOA-NGHIEM-Q2-Chua-Van-Duc.PDF

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật - Q3.PDF

KINH-MA-HA-BAT-NHA-BA-LA-MAT-Q1.PDF

KINH MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT - Q3.PDF

Kinh Bát Nhã Ba La Mât Q2 .PDF

MÁY NGHE PHÁP

NGHE PHÁP MP3

Hòa Thượng tuyên Hóa

KINH LĂNG NGHIÊM - KHAI TUỆ

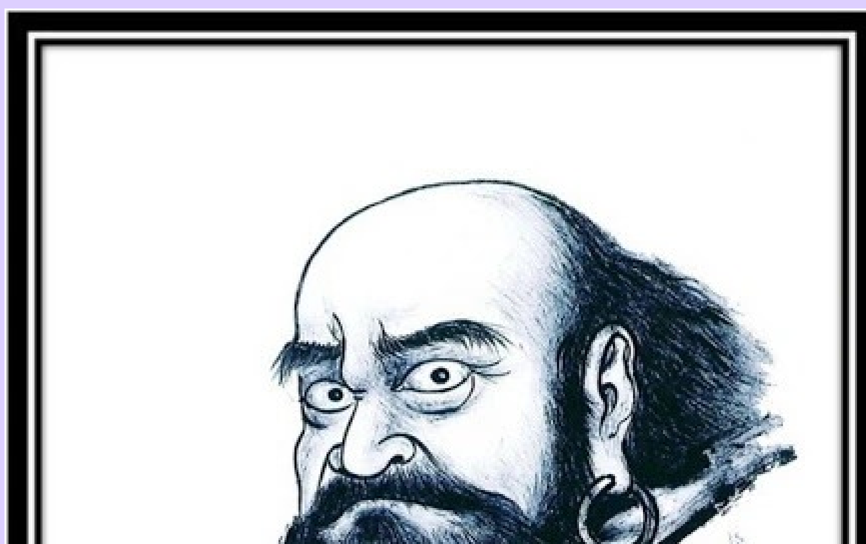
BÁT CHÁNH ĐẠO - TỨ DIỆU ĐẾ

PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

TỨ CHỦNG THANH TỊNH MINH HỐI

50 HIỆN TƯỢNG ẤM MA

LỜI KHAI THỊ CỦA HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA





NGỮ LỤC BỒ ĐỀ ĐẠT MA - I

BỐN QUÁN HẠNH VÀO ĐẠO CỦA ĐẠI THỪA

Muốn vào Đạo có nhiều đường, tóm lại không ra ngoài hai đường: Lý Nhập và Hạnh Nhập.

Lý Nhập là thực hành theo giáo lý mà bước vào cội nguồn của đạo. Tin sâu rằng các loài hàm sinh đều cùng một chân tánh, chỉ do khách trần (1), vọng tưởng che khuất nên không hiển lộ. Nếu rời hư dối mà trở về nơi chân thật, dừng lại trong bích quán, không thấy có mình có người, phàm thánh là một, vững chắc không dời, cũng không theo chữ nghĩa. Đó là hợp với lý, không phân biệt tịch diệt vô vi, gọi là lý nhập.

Hạnh Nhập có bốn hạnh. Tất cả những hạnh khác cũng đều nhập cả vào bốn hạnh này. Bốn hạnh đó là gì? Thứ nhất là Báo Oan Hạnh, thứ hai là Tùy Duyên Hạnh, thứ ba là Vô Sở Cầu Hạnh, và thứ tư là Xứng Pháp Hạnh.

Báo Oan Hạnh: người tu đạo lúc gặp khổ, nên tin nghĩ rằng mình từ trong vô số kiếp xưa, bỏ gốc theo ngọn, trôi nổi theo các pháp hữu vi, khởi nhiều oan ghét, tội lỗi rất nhiều. Ngày nay tuy không lầm lỗi, nhưng chính là cái tai họa tạo ra trước kia của mình. Khi ác nghiệp chín, không có trời, không có

người nào có thể thấy trước. Nay mở tâm nhận chịu, không than thở. Kinh dạy: "Gặp khổ không buồn. Vì sao thế? Hiểu rõ vậy." Hiểu như thế, thì tương ưng với lý. Lấy oan mà tăng tiến đạo hạnh, nên gọi là Báo Oan Hạnh.

Tùy Duyên Hạnh: Chúng sanh không phải do chính mình làm chủ mà do duyên nghiệp chuyển hoá. Cảm nhận khổ vui đều do duyên sinh. Nếu được quả báo tốt đẹp vinh dự vân vân, đó là do nhân quá khứ cảm nên, ngày nay có được, khi duyên hết thì trở lại hoàn không. Có gì mà vui khi được? Được mất theo duyên, tâm không thêm bớt. Gió vui không động, thầm thuận nơi đạo. Đó là Tùy Duyên Hạnh.

Vô Sở Cầu Hạnh: Người đời ở trong cơn mê dài, dẫy đầy sự tham trước, gọi là có cầu. Người trí giác ngộ sự thật, ngược lại thế tục, an tâm nơi vô vi, thân thuận theo sự biến chuyển. Vạn vật đều là không, không có chỗ để ham muốn. Công đức và hắc ám thường đuổi theo nhau. Ba cõi ở lâu như trong nhà lửa. Có thân tất khổ, chẳng ai được an ổn. Hiểu rõ chỗ này thì sẽ bỏ được mọi thứ, dừng lại vọng tưởng, không còn cầu mong. Kinh dạy: "Có cầu tất có khổ, không cầu được vui." Khi không cầu mong, đó thật là tu đạo.

Xứng Pháp Hạnh: Lý thể các pháp tự tánh thanh tịnh. Trong đó, mọi vật đều là không, không nhiễm, không trước, không chủ, không khách. Kinh dạy: "Pháp không chúng sanh, nên lìa chúng sanh cấu, pháp không có ngã, nên lìa ngã cấu." Người trí nếu tin hiểu lý này, có thể thuận với Phật Pháp mà tu hành. Bản thể của pháp là không, nên xả thí thân mạng, tài sản mà tâm không luyến tiếc. Hiểu rõ ba không, không nương không bám, dẹp dần trần cấu, giáo hóa chúng sanh mà không mắc vào hình tướng. Đó là tự hành, mà lại có thể lợi người, lại có thể trang nghiêm đạo Bồ Đề. Hạnh bố thí với năm hạnh khác (sáu ba la mật) cũng đều đầy đủ. Giải trừ vọng tưởng, tu hành lục độ (2), nhưng không thấy chỗ tu, gọi là Xứng Pháp Hạnh.

Chú thích:

(1) Khách trần: Bụi bặm từ bên ngoài. Theo Kinh Lăng Nghiêm,

khách trần là những thứ từ bên ngoài tác dụng vào tâm thức chúng ta.

(2) Lục độ: 1/ Bố thí, 2/ Trì giới, 3/ Nhẫn nhục, 4/ Tinh tấn, 5/ Thiền định, 6/ Trí Huệ.

—o0o—

NGỮ LỤC BỒ ĐỀ ĐẠT MA - II

NGỘ TÁNH LUẬN

Đạo lấy tịch diệt làm thể, Tu lấy lìa tướng làm chỗ về. Do đó Kinh dạy: "Tịch diệt là bồ đề, diệt các tướng vậy." Phật có nghĩa là giác ngộ. Người có tâm giác ngộ thì đạt được đạo Bồ Đề, gọi là Phật. Kinh dạy: "Lìa hết thảy các tướng gọi là Phật." Như thế biết rằng có tướng là tướng không hình tướng, không thể dùng mắt thấy, chỉ có thể dùng trí mà biết. Nếu có người nghe pháp này mà sinh được một niệm tin người này đã phát khởi Đại Thừa, vượt ra ba cõi.

Ba cõi là tham, sân, si. Ngược lại với tham sân si là giới, định, huệ, gọi là vượt ra ba cõi. Tham, sân và si cũng không có tính chân thật, chỉ là nương nơi chúng sanh mà gọi. Nếu có thể phản chiếu, khi nhận rõ sẽ thấy tánh của tham sân si tức là tánh Phật. Ngoài tham sân si không có tánh Phật nào khác. Kinh dạy: "Chư Phật từ xưa đến nay thường ở trong ba độc nuôi lớn Pháp trong sạch, mà thành đấng Thế Tôn." Ba độc là tham, sân và si.

Nói rằng Đại Thừa là Tối Thượng Thừa, là nói chỗ tu hành của các bậc Bồ Tát (1). Không chỗ nào là không thừa (chở), cũng không có chỗ thừa. Suốt ngày chở mà chưa từng chở. Đó là Phật Thừa. Kinh dạy: "Không (Vô) Thừa là Phật Thừa." Như có người biết rằng sáu giác quan là không thật, năm uẩn (2) chỉ là giả đặt, tìm kiếm khắp chỗ mà không có nơi an định, nên biết người này hiểu rõ lời Phật. Kinh dạy: "Hang động của năm uẩn gọi là thiền viện, mở con mắt chiếu soi vào bên trong là cửa vào Đại thừa." Điều này không rõ ràng lắm sao?

Không ghi nhớ một pháp nào gọi là thiền định. Nếu hiểu được điều này thì đi đứng nằm ngồi đều là thiền định. Biết tâm là không, đó là thấy Phật. Vì sao vậy? Chư Phật trong mười phương đều là vô tâm. Không thấy có tâm, gọi là thấy Phật. Bỏ thân không tiếc gọi là đại bố thí. Rời khỏi sự động, sự định gọi là tọa thiền. Vì sao vậy? Người phàm phu chỉ hướng ra động, bậc Tiểu thừa chỉ hướng vào định. Pháp môn tọa thiền vượt ra khỏi phàm phu và Tiểu thừa gọi là Đại Tọa Thiền. Nếu hiểu được lý này, hết thảy các tướng không cầu mà tự cởi bỏ, hết thảy các bịnh không trị mà tự lành. Đó đều là sức mạnh của Đại Thiền Định.

Theo tâm cầu pháp là mê, không theo tâm cầu pháp là ngộ, không dính mắc vào văn tự gọi là giải thoát, không nhiễm sáu trần gọi là hộ pháp, ra khỏi sinh tử gọi là xuất gia, không phải sinh lại gọi là đạt đạo, không sinh vọng tưởng gọi là Niết Bàn, không bị vô minh gọi đại trí tuệ, không có phiền não gọi là Niết Bàn, không thấy tướng tâm gọi là bỉ ngạn (bờ bên kia).

Khi mê thì có bờ bên này, khi ngộ thì không còn bờ bên này. Vì sao vậy? Vì phàm phu chỉ ở bên này, khi giác ngộ Tói Thượng Thừa, tâm không trụ bên này cũng không trụ bên kia, nên có thể rời khỏi bờ bên này, bên kia. Nếu thấy bờ bên này khác với bờ bên kia, tâm của người này không đạt được thiền định.

Phiền não gọi là chúng sanh, ngộ giải gọi là Bồ đề, hai việc này không đồng cũng không khác, chỉ là do mê ngộ cách nhau. Khi mê thì có thế gian để ra khỏi, khi ngộ không có thế gian để ra khỏi.

Trong pháp bình đẳng, không thấy phàm phu khác với bậc Thánh. Kinh dạy: "Đối với pháp bình đẳng (3), kẻ phàm phu không thể vào được, bậc Thánh không thực hành được." Pháp bình đẳng chỉ có các Đại Bồ Tát và các đức Phật Như Lai mới thực hành được. Nếu thấy sống và chết khác nhau, động và tịnh khác nhau, như vậy là không bình đẳng. Không thấy phiền não (4) khác với Niết Bàn, gọi là bình đẳng. Vì sao? Phiền não và Niết Bàn đều cùng một tánh không (5). Bậc Tiểu thừa vọng trừ phiền não, vọng

nhập Niết Bàn, bị vướng mắc nơi Niết Bàn. Bồ Tát biết phiền não tánh không, tức không rời không, nên thường ở trong Niết Bàn. Niết Bàn, Niết bèn là không sinh, Bàn bèn là không chết. Ra ngoài sinh tử, ra khỏi Niết Bàn, tâm không đi, đến, tức là nhập Niết Bàn. Do đó biết rằng Niết Bàn là tâm không. Chư Phật nhập Niết Bàn là ở nơi không vọng tưởng. Bồ Tát nhập đạo tràng (6) là ở chỗ không phiền não.

Chỗ rỗng không là chỗ không có tham, sân, si. Tham là cõi dục, sân là cõi sắc, si là cõi vô sắc. Khi tâm niệm khởi tức là vào ba cõi, khi tâm niệm diệt tức ra ba cõi. Cho nên biết rằng sự sinh diệt trong ba cõi, sự có không của các pháp, đều do tâm mà khởi. Nói pháp tức là gồm cả những vật vô tình như gạch ngói, đá, cỏ, cây cối.

Nếu biết tâm chỉ là giả đặt tên, không có bản thể chân thật, tức hiểu tự tâm cũng chẳng là có, cũng chẳng là không. Vì sao? Phàm phu chỉ có khởi tâm, gọi là có. Tiểu thừa thì cố diệt tâm, gọi là không, Bồ Tát và Phật chưa từng sinh tâm, chưa từng diệt tâm, gọi là tâm chẳng có chẳng không. Tâm chẳng có chẳng không gọi là Trung Đạo. Cho nên biết rằng đem tâm học pháp, thì tâm và pháp đều mê mờ. Không đem tâm học pháp thì tâm và pháp đều ngộ. Mê là mê cái ngộ. Ngộ là ngộ cái mê. Người có chính kiến, biết tâm không vô, liền vượt khỏi mê, ngộ. Không có cả mê lẫn ngộ là hiểu biết chân chính.

Cái thấy chân chính là sắc chẳng phải chính là sắc, do tâm nên có sắc, tâm chẳng phải chính là là tâm, do sắc có tâm, cho nêm biết rằng tâm và sắc nương nhau sinh diệt. Có là có nơi không, không là không nơi có. Đó là cái thấy chân thật. Cái thấy chân thật là không cái gì là chẳng thấy, cũng không có cái gì được thấy, thấy khắp mười phương mà chưa từng thấy. Vì sao? Vì không có chỗ thấy, vì thấy cái không chỗ thấy, vì thấy không phải là thấy. Cái thấy của người phàm đều là vọng tưởng. Nếu tịch diệt (7) rời cái thấy gọi là thấy chân thật.

Tâm và cảnh đối nhau, cái thấy sinh ra từ đó. Nếu bên trong không khởi tâm, thì bên ngoài sẽ không sinh cảnh. Cảnh và tâm đều tịnh gọi là thấy chân thật. Khi hiểu được điều đó, gọi là

hiểu chân chính.

Chẳng thấy một pháp gọi là đắc đạo. Chẳng hiểu một pháp gọi là giải thoát. Vì sao? Thấy và không thấy đều là không thấy. Hiểu và không hiểu đều là không hiểu. Thấy mà không thấy được gọi là thấy chân thật. Hiểu mà không hiểu được gọi là hiểu lớn.

Cái thấy chân chính không phải là cái thấy như là thấy, cũng là cái thấy không thấy. Cái hiểu chân thật không phải là cái hiểu như là hiểu, cũng là cái hiểu không hiểu. Phàm có đối tượng để hiểu thì là không hiểu. Không có đối tượng để hiểu tức là hiểu chân chính. Hiểu và không hiểu đều là không hiểu.

Kinh dạy: "Không rời trí huệ gọi là huệ ngưng (trí tuệ không lưu thông)." Nếu tâm là không thì hiểu và không hiểu đều là chân thật. Nếu tâm là có, hiểu và không hiểu đều là hư dối.

Khi hiểu thì pháp theo người, khi không hiểu thì người theo pháp. Nếu pháp theo người thì phi pháp cũng thành pháp. Nếu người theo pháp thì pháp cũng thành phi pháp. Nếu người theo pháp thì pháp là hư dối. Nếu pháp theo người thì pháp là chân thật. Vì vậy Thánh nhân không đem tâm cầu pháp, cũng không lấy pháp cầu tâm, cũng không lấy tâm cầu tâm, cũng không lấy pháp cầu pháp. Tâm không sinh pháp, pháp không sinh tâm. Tâm và pháp cả hai đều rỗng lặng. Cho nên thường ở trong định.

Tâm chúng sinh sinh thì Phật Pháp diệt, tâm chúng sinh diệt thì Phật Pháp sinh. Tâm sinh thì pháp chân thật diệt, tâm diệt thì pháp chân thật sinh. Người biết hết thảy các pháp không dính mắc nhau là người đắc đạo. Biết tâm không dính mắc vào một pháp, người này thường ở trong Đạo tràng.

Khi mê thì có tội, khi hiểu thì không tội. Vì sao? Tính của tội vốn không. Khi mê thì không tội cũng thấy có tội. Khi hiểu thì có tội mà không tội. Vì sao? Vì tội không có xứ sở. Kinh dạy: "Các pháp không có tính." Hãy theo mà đừng sinh tâm nghi ngờ. Nghi tức là thành tội. Vì sao? Tội do nghi mà sinh. Nếu hiểu như vậy, các tội đời trước liền tiêu diệt. Khi mê thì sáu thức, năm ấm đều là pháp phiền não sinh tử. Khi ngộ thì

sáu thức, năm ấm đều là pháp Niết Bàn không sinh tử.

Người tu đạo không cầu đạo ở bên ngoài. Vì sao? Vì biết tâm là đạo. Khi thấy được tâm thì biết không có cái tâm có thể đắc. Khi thấy được đạo thì biết không có đạo có thể đắc. Nếu bảo rằng có thể đem tâm cầu đạo, đó là tà kiến. Khi mê có Phật có Pháp. Khi ngộ, không Phật không Pháp. Vì sao? Ngộ tức là Phật Pháp.

Nói về tu đạo, thân diệt đạo mới thành, như vỏ cây bóc ra từ thân cây. Thân nghiệp báo này biến dịch trong từng niệm niệm, không có thứ gì cố định. Theo niệm mà khởi tu. Không ghét sanh tử, cũng không ham mê sinh tử, chỉ trong mỗi niệm không có vọng tưởng thì ngay trong lúc còn sống chứng Hữu Dư Niết Bàn (8), khi chết được Vô Sinh Pháp Nhẫn (9).

Mắt thấy hình tướng không nhiễm nơi hình tướng, tai nghe tiếng không nhiễm nơi tiếng tức là giải thoát. Mắt không dính vào hình tướng, mắt là cửa thiền. Tai không dính vào tiếng, tai là cửa thiền. Nói tóm lại, người nào thấy sự hiện hữu của hiện tượng và tánh của hiện tượng mà không vướng mắc thì luôn được giải thoát. Người thấy hình tướng bên ngoài của hiện tượng thường bị trói buộc. Không bị phiền não trói buộc là giải thoát, không có giải thoát nào khác. Khéo chiếu soi vào hiện tượng, hiện tượng không làm khởi tâm, tâm cũng không sinh khởi hiện tượng, tức hiện tượng và tâm cả hai đều thanh tịnh.

Khi không còn vọng tưởng, tâm là cõi Phật, khi có vọng tưởng, tâm là địa ngục. Chúng sanh tạo tác vọng tưởng, lấy tâm sinh tâm, nên thường ở chốn địa ngục. Bồ Tát quán sát vọng tưởng, không đem tâm sinh thêm tâm, nên thường ở cõi Phật. Nếu không lấy tâm sinh tâm, mỗi khởi tâm đều nhập vào không, mỗi khởi niệm đều về chỗ thanh tịnh, đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Nếu lấy tâm sinh tâm, mỗi khởi tâm đều bất tịnh, mỗi khởi niệm đều hướng về chỗ động, đi hết địa ngục này lại qua địa ngục khác. Khi một tâm niệm khởi lên, liền hiện hai nghiệp thiện ác, liền có thiên đường địa ngục. Một tâm niệm không khởi thì không có hai nghiệp thiện ác, cũng không có thiên đường địa ngục.

Thể không có cũng chẳng không. Tại phàm phu thì gọi là có, nơi Thánh thì là không. Thánh nhân không có tâm đó nên rỗng không, rộng lớn như bầu trời.

Sau đây là sự chứng nhập đại đạo, không phải là cảnh giới của phàm phu và tiểu thừa.

Khi tâm đắc Niết Bàn thì không thấy có Niết Bàn. Vì sao? Vì tâm chính là Niết Bàn. Nếu ngoài tâm thấy Niết Bàn, đó là mắc vào tà kiến.

Hết thảy các phiền não là hạt giống tâm của Như Lai, vì do phiền não mà được trí tuệ. Nhưng chỉ có thể nói rằng phiền não sinh Như Lai, không thể bảo rằng phiền não là Như Lai. Do đó, thân tâm là ruộng nương, phiền não là hạt giống, trí tuệ là chồi mầm, Như Lai ví như lúa thóc.

Phật ở trong tâm như hương thơm trong cây. Phiền não nếu không còn thì Phật từ tâm mà hiện, giống như khi cây không thối mục thì hương thơm phát ra, cho nên biết rằng ngoài cây không có hương, ngoài tâm không có Phật. Nếu ngoài cây có hương đó là hương của vật khác, nếu ngoài tâm có Phật tức là Phật nào khác.

Trong tâm có ba độc (10) gọi là cõi nước dơ xấu (quốc độ uế ố). Trong tâm không có ba độc thì là cõi nước thanh tịnh. Kinh dạy: "Nếu làm cho cõi nước không trong sạch, đầy những dơ xấu, các đức Phật Thế Tôn xuất hiện trong đó là việc chưa từng có." Bất tịnh, dơ xấu thuộc về vô minh và ba độc. Chư Phật Thế Tôn thuộc về tâm thanh tịnh giác ngộ.

Hết thảy ngữ ngôn không gì chẳng là Phật Pháp. Nếu suốt ngày thường nói mà chẳng nói một lời đó là đạo. Nếu suốt ngày không nói mà có điều để nói, đó là phi đạo. Do đó Như Lai nói mà không nương nơi yên lặng, yên lặng mà không nương nơi nói, nói cũng không rời yên lặng. Người ngộ được sự nói nín như vậy là ở trong tam muội (11). Nếu khi biết mà nói, nói là giải thoát. Nếu không biết, không nói cũng là trói buộc. Do đó,

lời nói nếu rời tướng trạng thì nói là giải thoát. Yên lặng mà dính vào tướng trạng, yên lặng cũng là trói buộc. Tính của văn tự vốn là giải thoát, văn tự không có gì trói buộc, trói buộc vốn không can hệ gì với văn tự.

Pháp (chân lý) không có cao thấp, nếu thấy có cao thấp thì không phải là Pháp. Không có Pháp nào là bè, nhưng Pháp là cái bè của người. Người chèo chiếc bè đó có thể vượt qua phi pháp, thì đó là Pháp chân thật.

Theo thế tục thì có nam, nữ, giàu, nghèo. Theo lý đạo thì không có nam, nữ, giàu, nghèo. Thiên nữ khi ngộ đạo không đổi hình nữ, Xá Nặc khi hiểu đạo không đổi cách xưng (tiện xưng). Điều đó chứng tỏ rằng không có nam nữ, giàu nghèo, tất cả đều từ một tướng. Thiên nữ trong mười hai năm cầu dứt nữ tướng mà không được, nên biết mười hai năm cầu tướng nam cũng không thể được. Mười hai năm tức là mười hai nhập (12).

Ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm, cũng như ngoài nước không băng, ngoài băng không nước. Nói rằng bỏ tâm không phải là xa rời tâm, chỉ bảo đừng mắc vào tướng tâm. Kinh dạy: "Không thấy tướng gọi là thấy Phật." Đó là rời tướng tâm vậy.

Lìa tâm không Phật có nghĩa là Phật từ tâm mà đến. Tâm sinh Phật. Tuy Phật từ tâm mà sinh, nhưng tâm không từ Phật sinh, giống như cá sinh từ nước, nhưng nước không sinh từ cá. Muốn thấy cá thì không phải thấy cá trước mà thấy nước trước. Muốn thấy Phật, không thấy Phật mà trước thấy tâm. Khi thấy nước thì quên cá, khi thấy Phật thì quên tâm. Nếu không quên tâm thì sẽ bị tâm lôi kéo, nếu không quên nước thì sẽ bị nước làm mê.

Chúng sanh và Bồ đề (13) cũng như băng với nước. Vì bị ba độc đốt cháy nên là chúng sanh, khi ba độc được ba môn giải thoát (14) rữa sạch thì là Bồ đề. Mùa lạnh đông lại là băng, mùa Hạ chảy là nước. Bỏ băng thì không còn nước. Nếu bỏ chúng sanh thì không có Bồ đề nào bên ngoài. Nên biết rõ tánh băng tức tánh nước, tánh nước tức tánh băng. Tánh chúng sanh tức tánh

bồ đề. Chúng sanh và Bồ đề đồng một tánh, giống như ô đầu và phủ tử có chung rễ, nhưng chỉ không sinh cùng thời tiết. Vì mê cho rằng cảnh khác nhau nên có tên chúng sanh và Bồ đề. Khi rắn thành rồng không đổi vãy, phàm chuyển thành Thánh không thay đổi mặt, chỉ tỏ rõ tâm bằng trí tuệ ở bên trong, soi chiếu thân bằng giới hạnh bên ngoài.

Chúng sanh độ Phật, Phật độ chúng sanh, gọi là bình đẳng. Chúng sanh độ Phật, tức là phiền não sinh giác ngộ. Phật độ chúng sanh tức là giác ngộ diệt trừ phiền não. Nên biết rằng chẳng phải không có phiền não, chẳng phải không có giác ngộ. Không thể không có phiền não mà có giác ngộ, không thể không có giác ngộ mà hết phiền não. Khi mê Phật độ chúng sanh, khi ngộ chúng sanh độ Phật. Vì sao? Phật không tự thành mà đều do chúng sanh độ. Chư Phật lấy vô minh làm cha, lấy tham ái làm mẹ. Vô minh, tham ái đều là tên gọi khác của chúng sanh. Chúng sanh với vô minh như tay trái với tay phải, thảy không khác biệt.

Khi mê ở bờ bên này, khi ngộ ở bờ bên kia. Nếu biết tâm là Không, không thấy tướng, thì rời cả mê và ngộ. Khi rời mê ngộ thì cũng không có bờ bên kia. Như Lai không ở bờ bên này cũng không ở bờ bên kia, cũng không ở giữa giòng. Giữa giòng là Tiểu thừa. Bờ bên này là phàm phu. Bờ bên kia là Bồ đề.

Phật có ba thân là Hóa thân, Báo thân và Pháp thân (15). Hóa thân cũng được gọi là Ứng thân. Khi chúng sanh hiện tạo tác việc lành là Hóa thân, hiện tu trí tuệ là Báo thân, hiện giác ngộ vô vi là Pháp thân. Thường hiện bay đi mười phương theo ý muốn mà cứu tế là Hóa Thân Phật, chặt đứt nghi ngờ tức thị hiện Thánh Đạo ở núi Tuyết, đó là Báo Thân Phật, không nói, không thuyết, không làm, không đắc, trạm nhiên thường trụ, đó là Pháp Thân Phật. Nhưng nói cho đến cùng thì một thân Phật còn không có, huống gì là có ba. Nói có ba chỉ là dựa trên sự biết của con người.

Người có ba hạng là thượng trung và hạ. Người hạ trí lầm nuôi nguồn phúc, lầm thấy Hóa thân Phật. Người trung trí lầm phá phiền não, lầm thấy Báo Thân Phật. Người thượng trí lầm chứng

Bồ Đề, lầm thấy Pháp Thân Phật. Người thượng thượng trí, nội chiếu tròn lặng, hiểu rõ tâm tức là Phật, không nương vào tâm mà chứng Phật Trí, biết ba thân và vạn pháp đều không thể với cũng không thể bàn. Đó là tâm giải thoát, thành tựu đạo lớn. Kinh dạy: "Phật không thuyết Pháp, không độ chúng sanh, không chứng Bồ Đề." Đó là điều tôi muốn nói.

Chúng sanh tạo nghiệp (16), nghiệp không tạo chúng sanh. Đời này tạo nghiệp, đời sau nhận quả, không thể tránh khỏi. Chỉ có người nào nơi thân này không tạo nghiệp thì mới không thọ báo. Kinh dạy: "Các nghiệp không tạo, tự nhiên đắc đạo." Đó là lời vu vơ hay sao!? Người tạo ra nghiệp, không thể tạo ra người. Người khi tạo nghiệp, nghiệp và người cùng sinh. Người khi không tạo nghiệp, nghiệp và người cùng diệt. Do đó biết rằng nghiệp là do người tạo ra, người do nghiệp sinh ra. Người nếu không tạo nghiệp thì nghiệp không không còn lý do sinh người. Cũng như người có thể hoằng (truyền) đạo, đạo không thể hoằng người.

Ngày nay còn phàm phu nên thường tạo nghiệp, nói lời hư dối rằng không có quả báo. Làm sao tránh khỏi khổ báo? Tâm trước tạo, tâm sau chịu báo, làm sao thoát được? Tâm niệm trước không tạo thì tâm niệm sau không chịu quả. Đừng hiểu lầm nghiệp báo.

Kinh dạy: "Dù tin có Phật mà bảo rằng Phật khổ hạnh, đó là tà kiến. Dù tin có Phật mà bảo rằng Phật có phước báo kim thương mã mạch (giàu sang), đó là đức tin chưa đủ, gọi là nhất xiển đề (17)."

Người hiểu được Pháp Thánh là Thánh nhân, người hiểu pháp phàm là phàm nhân. Chỉ người bỏ pháp phàm để theo pháp Thánh tức là phàm phu thành Thánh nhân. Người ngu ở thế gian chỉ muốn cầu Thánh nhân ở xa, không tin rằng tâm trí tuệ là Thánh nhân. Kinh dạy: "Nơi người không có trí tuệ, đừng thuyết kinh này." Kinh cũng dạy: "Tâm là Pháp." Người không có trí không tin nơi tâm này, cho rằng hiểu được Pháp là thành Thánh nhân, chỉ muốn tìm học bên ngoài, ham thích tượng Phật, hào quang, hương sắc các sự trong không trung, đều rơi vào tà kiến, mất

tâm trong cuồng loạn.

Kinh dạy: "Thấy các tướng không phải là tướng, tức thấy Như Lai." Tám vạn bốn ngàn pháp môn thảy đều do một tâm mà khởi. Nếu tâm tướng trong lặng như hư không, tức ra khỏi thân tâm.

Tám vạn bốn ngàn phiền não là gốc rễ của bịnh. Người phàm đương sống sợ chết, khi no lo đói, đó là mê mờ lớn. Cho nên Thánh nhân không để tâm vào chuyện đã qua, không lo chuyện tương lai, không tham luyến chuyện hiện tại, niệm niệm đều hướng về đạo. Nếu chưa ngộ chân lý lớn lao này, thì nên sớm tìm vị thiện trí thức của trời người, đừng để mất cả hai.

Chú thích:

(1) Bồ Tát (Bodhisatva): Tên đầy đủ là Bồ Đề Tát Đỏa, Tàu dịch là Giác hữ tình, là chúng sanh có tâm cầu đạo, là những vị cầu chứng được quả Phật.

(2) Năm uẩn (Skandha): Uẩn xưa dịch là ấm, có nghĩa là tích tập. Năm uẩn là năm yếu tố tích tập thành con người, đó là: Sắc uẩn: yếu tố vật chất; Thọ uẩn: yếu tố cảm nhận của tâm đối trước ngoại cảnh; Tưởng uẩn: Yếu tố tạo ra sự tưởng tượng của tâm trước ngoại cảnh; Hành uẩn: Yếu tố tạo ra ý muốn, ý chí, phát sinh tham, sân, si của tâm đối trước ngoại cảnh; Thức uẩn: Yếu tố phân biệt, suy nghĩ của tâm đối trước ngoại cảnh.

(3) Pháp Bình Đẳng: Pháp vượt ngoài mọi phân biệt, sai biệt. Chính giác của Như Lai không phân biệt cao, thấp, sâu, cạn nên gọi là Bình đẳng giác. Bình Đẳng Tính Trí là một trong bốn Trí của chư Phật. Khi giác ngộ, Mạt Na Thức chuyển thành Bình Đẳng Tính Trí, là Trí không còn đối đãi, phân biệt.

(4) Phiền não (Klesa): Với đạo Phật, ba phiền não chính là Tham, Sân, Si. Có thể thêm Mạn và Nghi. Mạn là coi mình là hơn hết, Nghi là không có tâm quyết định.

(5) Tánh Không (Sunyata): Chân Như, Thực Tính. Chân Như, Thực Tính lìa hai chấp ngã và pháp, nương vào Không để hiển lộn nên đồng nghĩa với Tánh Không.

(6) Đạo tràng (Bodhi-manda): Chỗ Phật thành Đạo, dưới gốc cây Bồ Đề bên bờ sông Ni Liên. Về sau từ đạo tràng dùng chỉ những nơi thờ Phật, tu hành, thuyết giảng, tham thiền.

(7) Tịch diệt: Chấm dứt mọi vọng tưởng.

(8) Hữu Dư Niết Bàn: (Đại Thừa) Cảnh giới tịch diệt không còn tạo nhân cho sinh tử biến dịch. Ngược với Vô Dư Niết Bàn là quả chứng được Pháp Thân thường trụ do không còn tạo nhân sinh tử biến dịch.

(9) Vô Sanh Pháp Nhẫn: Chứng được, quyết định được nơi lý thể không sanh không diệt, tức Thực Tướng Trung Đạo của các pháp. Nhẫn có nghĩa là có thể quyết định.

(10) Ba độc: Tham, Sân, Si.

(11) Tam Muội (Samadhi): Còn có tên là Tam Ma Đề, Định, Định Thọ, Định Trì, Đẳng Niệm, Định Tâm Hành Xứ. Tâm định trụ vào một chỗ không chao động, không có tạp niệm xen vào.

(12) Mười Hai nhập (Mười hai xứ): Sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, và sáu trần: sắc, thanh, hương, vị. xúc, pháp.

(13) Bồ đề (Bodhi - Đạo, Giác): Đạo là thông suốt, Giác là giác ngộ.

(14) Ba môn giải thoát: Không, Vô Tướng, Vô tác.

(15) Hóa thân, Báo thân, Pháp thân: ba thân của Phật. Hóa thân là thân ứng hóa để cứu độ chúng sanh, Báo thân là thân thanh tịnh, trí huệ chỉ có Phật và Bồ tát mới thấy được, và Pháp thân là thân vũ trụ, bình đẳng cùng khắp.

(16) Nghiệp (Karma): Những hành động thiện, ác, không thiện không ác do thân, miệng, ý tạo ra. Những hành động này là nghiệp nhân tạo ra những nghiệp quả là vui, khổ, không vui không khổ trong ba cõi.

(17) Nhất xiển đề (Iechantika - Bất tín): Người không tin Phật Pháp, do đó không có tính thành Phật.

—o0o—

NGỘ TÁNH LUẬN

Nguyên tác: Bồ Đề Đạt Ma

Dịch và chú giải: Hòa thượng Thích Trí Tịnh

THAY LỜI TỰA

"Nấu cát muốn thành cơm, dầu nấu đến nhiều kiếp cũng chẳng thể thành. Dùng thức tâm phan duyên phân biệt vô thường để tu hành mà muốn được pháp thân Như Lai thường trụ cũng đồng với ví dụ trên". Đây là lời phán dạy Ngài A Nan của đức Phật trong kinh *Thủ Lăng Nghiêm*.

Kinh *Viên Giác* cũng nói:

Bổn nhơn từ thuở mới phát tâm tu hành của chư Phật Như Lai đều dùng "Trí huệ giác".

Nhơn và quả của Đại thừa không ngoài phạm vi "Ngộ" và "Chứng" bổn tâm tự tánh.

Thiền tông nói "minh tâm kiến tánh" đó là "tỏ ngộ bổn tâm tự tánh" vậy.

Sau khi tỏ ngộ rồi y cứ theo bổn tâm tự tánh ấy để hiển phát thành công hạnh, đó gọi là "xứng tánh hạnh", là "chơn thiệt tu tập" là "vô lậu nghiệp".

Đây mới đúng là "nhơn Phật" để thành tựu "quả Phật" khi viên mãn, ngoài đây không có nhơn nào khác để có thể thành Phật được. Nếu có phương pháp nào khác, cũng của đức Thế Tôn chỉ dạy, đều là những phương tiện để hỗ trợ, để dẫn phát chơn ngôn mà thôi.

Vì thế nên về Phật thừa, vấn đề "quán tâm" để "tỏ ngộ tự tánh" là phần việc tối khẩn yếu của tất cả những người học Phật, tu Phật và quyển "*Ngộ Tánh Luận*" của Đức Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma đây là kim chỉ nam vậy. *Tục Tạng* kinh, tập thứ 110.

Ngày tiền an cư năm Tân Hợi(1971), lần đầu tiên đọc quyển Ngộ Tánh Luận tôi tự cảm thấy như quá quen thuộc về ý nghĩa hàm súc trong ấy. Với nguồn cảm hứng ấy, tôi phiên dịch ra Việt văn, đồng thời theo sự cảm ngộ mà phân đoạn, đặt tên cho mỗi đoạn và ghi lời "phụ chú".

Lời "phụ chú" sau mỗi đoạn mà tôi đã tự phân ra phần lớn là những lời trích lấy từ các kinh các luận mà tôi chợt nhớ lại theo nguồn cảm hứng trong khi đọc nguyên văn, còn tự ý mình lại là phần nhỏ. Có lẽ vì ý nghĩa trong quyển Ngộ Tánh Luận đây nhiều chỗ trùng hợp với văn các kinh các luận mà tôi đã từng ghi nhớ, nên lúc đọc tôi tự cảm như quá quen thuộc chăng!

Nói là "phụ chú" vì chỉ là ghi thêm câu văn trong các luận, lời dạy trong các kinh, hoặc vài ý nghĩ giản yếu, cốt để phụ giúp cho nguyên văn được sáng tỏ hơn, dễ hiểu dễ nhận hơn, đồng thời để chứng minh với "thánh giáo lượng".

Viết xong đọc lại, tôi sửng sốt ngẩn ngơ với số đoạn XXXII(32), vì con số 32 đoạn đây ngẫu nhiên trùng với con số 32 chương của quyển kinh *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật* mà Chiêu Minh Thái tử nhà Lương đã phân định từ ngàn xưa. Phải chăng đây là oai thần của Tam Bảo, là sự hộ niệm của Liệt Tổ! Cũng có thể là như thế; vì khi đọc lại những đoạn phụ chú, tôi tự thấy dường như không phải hoàn toàn của chính mình, mà gần như có ai đó ngầm mách vậy. Bằng có là, nếu giờ đây, bắt đầu

làm mới lại, chắc rằng tôi không thể làm giống được, làm được y như vậy.

Và như thế, nếu quyển này có mang lại ít nhiều công đức thì đó là công đức của Tam Bảo, của Liệt Tổ, cộng với căn lành của mọi người, của chúng sanh mà thôi.

Ngày tiền an cư năm Quý Sửu(1973)

Hân Tịnh Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

Cẩn chí

*

BỒ ĐỀ ĐẠT MA

NGỘ TÁNH LUẬN NGHĨA

I. TÔNG VÀ THỂ ĐẠI THỪA

- Tịch diệt là thể của đạo.

- Ly tướng là tông của người tu.

- Kinh dạy rằng: Tịch diệt là Bồ đề, vì diệt các tướng.

- Phật là đấng Giác ngộ.

- Người có giác tâm được đạo Bồ đề nên gọi là Phật.

- Do đây nên biết rằng hữu tướng là tướng của vô tướng, chỉ do trí mà biết chớ không thể dùng mắt để thấy.

- Nghe những điều trình bày trên đây mà có lòng tin, người này phát tâm Đại thừa vượt khỏi tam giới.

Phụ chú:

Đạo là gì?

Là tánh là tâm vậy.

Bổn thể của tâm tánh vốn tịch diệt vô tướng.

Kinh *Pháp Hoa* nói: Các pháp bổn lai thường tự tịch diệt. Lại nói: Các pháp tướng tịch diệt chẳng thể tuyên nói được. Kinh lại dạy: Chư Phật Lưỡng Túc Tôn biết pháp thường vô tánh.

Kinh *Bát Nhã* nói: Ngũ uẩn, Lục nhập, Thập Nhị xứ, Thập bát giới, Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ, cho đến trí cùng đắc, tất cả đều không.

Luận Khởi Tín cũng nói: Tâm chơn như rời lìa tất cả tướng.

Thế thì người tu muốn được chứng nhập đạo tất phải ly tướng. Nghĩa là nội tâm phải rời tất cả tướng. Rời lìa hai tướng: ngã và pháp. Rời lìa bốn tướng: ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả.

Muốn lìa tướng phải thế nào?

Phải rời vọng tưởng phân biệt. Tức phải ly niệm, phải vô niệm vậy.

Kinh *Viên Giác* dạy: Lóng lòng vô niệm là tùy thuận Viên giác tánh.

Luận Khởi Tín bảo: Nếu được vô niệm gọi là chứng nhập Chơn như.

Hữu niện là hữu tướng mà tất cả tướng đều là hư vọng là sanh diệt.

Kinh *Kim Cang* nói: Phàm có tướng đều là hư vọng.

Trái lại vô niệm thì vô tướng, mà vô tuớng là chơn thiệt, là thường trụ.

Kinh *Kim Cang* nói: Rời tất cả tướng gọi đó là chư Phật. Đây là cảnh giới của đại trí huệ, là cảnh giới của Như Lai.

Nghe mà tin được chính là người đã phát tâm đại Bồ đề, đã vun trồng công đức từ nhiều đời nơi vô lượng chư Phật. Như trong kinh *Kim Cang* và kinh *Viên Giác* đã xác nhận. Người này đã vượt khỏi tam giới hữu lậu, đã vào đường Thánh vô lậu sẽ thành Phật.

II. TÁNH THỂ BẤT GIẢM BẤT TĂNG

- Tam giới là tham sân si.

- Trái với tham sân si là giới định huệ.

- Có giới định huệ gọi là vượt khỏi tam giới.

- Thật ra tham sân si cũng không có thể tánh chơn thiệt. Chỉ y cứ nơi chúng sanh mà nói đó thôi.

- Nếu có thể phản chiếu thì thấy rõ tánh của tham sân si là Phật tánh. Ngoài tham sân si không có Phật tánh riêng.

- Kinh dạy rằng: Chư Phật từ nào vẫn ở tại tam độc mà nuôi lớn các pháp lành, mà thành đấng Thế Tôn.

- Đại thừa hay Tối thượng thừa là chỗ noi đi của chư Bồ tát: Thừa này là thừa tất cả mà không chỗ thừa, luôn luôn thừa mà chưa bao giờ thừa, đây là Phật thừa.

- Kinh dạy: Không thừa là Phật thừa.

Phụ chú:

Kinh *Lăng Già* dạy: Vọng tưởng vô tánh. Tánh vô tánh là thiệt tánh, là Phật tánh.

Lại có câu: Phiền não tức Bồ đề.

Tánh phiền não là tánh Bồ đề.

Vì là một tánh duy nhất nên ở phàm tánh ấy chẳng giảm mặc dầu là vọng tưởng phiền não.

Tại Thánh, tánh ấy cũng chẳng tăng dầu là Bồ đề Niết bàn.

Tánh của băng là tánh nước. Mười cân băng đông cứng là mười cân nước ấm lỏng.

Băng cứng nước lỏng vẫn là một chất ướt duy nhất, không giảm dầu cứng, không tăng dầu lỏng.

Vì tâm tánh duy nhất chẳng giảm chẳng tăng, nên tu mà không tu, chứng mà không chứng. Đây là chân tu thiệt chứng, là viên tu viên chứng, cũng là Phật thừa vậy.

Kinh *Tứ Thập Nhị Chương* nói: Phật pháp là niệm mà vô niệm, hành mà vô hành, ngôn mà vô ngôn, tu mà vô tu.

Kinh *Pháp Hoa* lại dạy: Chỉ có một Phật thừa không hai cũng không ba.

Bồ Tát Giới kinh bảo: Tất cả pháp bổn lai không sanh không diệt, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng đồng chẳng khác, không đến không đi, chớ mống tâm phân biệt.

III. VÔ NIỆM THƯỜNG ĐỊNH

- Nếu người biết lục căn chẳng thiệt, ngũ uẩn giả danh, tìm khắp thân thể quyết không chỗ nhứt định, người này hiểu lời

dạy của Phật.

- Kinh dạy rằng: Ngôi nhà ngũ uẩn gọi là thiền viện. Soi sáng vào trong mở toang thấy rõ là cửa Đại thừa.

- Chẳng tưởng nhớ tất cả pháp mới được gọi là thiền định.

- Người tỏ được lời dạy này thì đi đứng nằm ngồi đều là thiền định.

Phụ chú:

Tất cả sự vật thân cảnh cho đến tưởng niệm đều duyên sanh không có tự tánh, chỉ có giả danh.

Từ chơn không thiệt trí khởi dụng sai biệt giả quán chiếu soi vạn vật thấy rõ thiệt tướng vô tướng của tất cả pháp, không gì chẳng phải là thiền viện, không đâu chẳng phải là cửa Đại thừa.

Tưởng không khởi thì pháp chẳng hiện. Niệm không sanh thì pháp chẳng thành.

Tâm và cảnh vắng lặng như như, đây là tự tánh đại định, thường định.

Kinh *Hoa Nghiêm* dạy: Khắp mọi nơi đều có thân Phật mà Phật vẫn thường ngồi tòa Bồ đề.

Kinh *Tịnh Danh* nói: Chẳng khởi diệt định mà hiện các oai nghi.

Kinh *Kim Cang* bảo: Không từ đâu lại cũng không qua đâu nên gọi là Như Lai.

Huệ năng Đại sư thuật: Bổn lai không mọi vật. Lại nói: Tự tánh đầy đủ tất cả pháp.

IV. TÂM BẤT KHẢ ĐẮC

- Biết tâm là không gọi đó là thấy Phật.

- Vì chư Phật đều vô tâm, nên chẳng thấy tâm gọi là thấy Phật.

Phụ chú:

Tổ Huệ Khả trình bày: Tìm tâm trọn không thể được.

Kinh *Kim Cang* dạy: Tâm quá khứ chẳng thể được. Tâm hiện tại chẳng thể được. Tâm vị lai chẳng thể được.

Luận Khởi Tín nói: Đại Bồ tát thấy tâm không sanh, hết vô minh thành cứu cánh giác.

Ngược lại, hàng phàm phu luôn có tâm, dùng tâm duyên lấy tâm, tâm tâm diệt sanh nối nhau mãi thành vọng hoặc.

Nếu niệm trước không sanh, niệm sau không diệt; đây là chơn tâm hiển hiện, chơn Phật viên thành, há lại chỉ có thấy Phật ư!

Đàn Kinh nói: Niệm trước chẳng sanh là tâm, niệm sau không diệt là Phật.

V. LOẠN VÀ ĐỊNH ĐỀU RỜI

- Xả thân chẳng tiếc là đại bố thí.

- Rời hẳn động và tịnh là đại tọa thiền.

- Phàm phu chuyên động.

- Nhị thừa chuyên tịnh.

- Rời động và tịnh hơn hẳn phàm phu và Nhị thừa nên gọi là đại tọa thiền.

- Hiểu được ý này thì biết được tất cả pháp, thì lành được tất cả bệnh, là năng lực đại thiền định.

Phụ chú:

Bỏ tịnh ham động là mê muội.

Nhàm động cầu tịnh là thủ xả.

Đâu biết rằng tự tánh bổn lai không động nào chờ cầu tịnh.

Rồi lìa động tịnh là thấy tự tánh, là biết pháp tánh, là hết tất cả mê chấp, là như như bất động, đây gọi là đại thiền định.

Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* nói: Hai tướng động và tịnh hoàn toàn chẳng sanh.

Năng văn và sở văn đều hết. Năng giác và sở giác đều không.

VI. BÌNH ĐẲNG VÔ SAI BIỆT

- Đem tâm cầu pháp là mê.

- Chẳng đem tâm cầu pháp là ngộ.

- Chẳng chấp văn tự là giải thoát.

- Chẳng nhiễm lục trần là hộ pháp.

- Thoát khỏi sanh tử là xuất gia.

- Chẳng còn thọ thân sau là đắc đạo.

- Chẳng khởi vọng tưởng là Niết bàn.

- Chẳng còn vô minh là đại trí huệ.

- Chỗ không phiền não là Bát Niết bàn.

- Chỗ không tâm tướng là đáo bỉ ngạn.

- Lúc mê thì có thử ngạn.

- Lúc ngộ thì không thử ngạn.

- Hàng phàm phu mãi trụ tại thử.

- Nếu giác ngộ Tối thượng thừa thì tâm chẳng trụ tại thử cũng chẳng trụ tại bỉ, nên có thể rời lìa thử ngạn và bỉ ngạn.

- Nếu thấy bỉ ngạn khác với thử ngạn, tâm người này đã là không thiền định.

- Phiền não gọi là chúng sanh, tỏ ngộ gọi là Bồ đề, chẳng phải một chẳng phải khác. Chỉ vì mê và ngộ mà cách biệt đó thôi.

- Khi mê thì có thế gian đáng xuất ly.

- Lúc tỏ ngộ thì không thế gian để xuất ly.

- Trong tánh bình đẳng chẳng thấy phàm phu khác với Thánh nhơn.

- Kinh dạy rằng: Nơi pháp bình đẳng hàng phàm phu nhập chẳng được, bậc Thánh nhân hành chẳng được. Chỉ có chư đại Bồ tát và chư Phật Như Lai hành nơi pháp bình đẳng.

- Nếu thấy sanh khác với tử, động khác với tịnh, đều gọi là bất bình đẳng.

- Chẳng thấy phiền não khác với Niết bàn, gọi là bình đẳng. Vì phiền não và Niết bàn đồng một tánh không.

- Người Tiểu thừa vọng đoạn phiền não, vọng nhập Niết bàn, nên bị Niết bàn làm trở ngại.

- Bồ tát biết tánh phiền não là không bèn chẳng rời lìa không, nên thường ở tại Niết bàn.

- Niết bàn là tịch diệt

- Tịch diệt mà chẳng sanh.

- Diệt mà chẳng tử.

- Xuất ly sanh tử, xuất Bát Niết bàn, tâm không khứ lai là nhập đại Niết bàn.

- Thế nên biết rằng Niết bàn là tâm không vậy.

Phụ chú:

Tâm còn không thể tìm được, còn không thể có được thì tâm đâu để cầu!

Tánh văn tự vốn ly nào có triền phược.

Tình thức chẳng sanh, lấy gì để nhiễm.

Bổn tự vô sanh, không nhà để xuất.

Pháp thân thường trụ không đắc không chứng.

Chẳng ngoài vọng tưởng mà chứng Niết bàn.

Chẳng ngoài vô minh mà có đại Trí huệ.

Phiền não tánh không tức là Bát Niết bàn.

Không tâm tướng chính là đại Bồ đề.

Có trí vô sai biệt thấy pháp không sai khác, đây gọi là chứng pháp tánh bình đẳng vậy.

Kinh Kim Cang dạy: Pháp ấy bình đẳng không có cao hạ. Không có cao hạ đây là không sai biệt vậy.

VII. CHÁNH KIẾN VÔ TRỤ

- Chư Phật nhập Niết bàn là ở chỗ không vọng tưởng.

- Bồ tát nhập đạo tràng là ở chỗ không phiền não, là ở chỗ không nhàn.

- Chỗ không nhàn đây là chỗ không tham sân si.

- Tham sân si là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

- Nếu tâm niệm sanh là nhập tam giới, tâm niệm diệt là xuất tam giới.

- Vì thế nên biết rằng tam giới sanh diệt, vạn pháp có không đều do nhứt tâm.

- Nếu biết tâm là giả danh không thể tánh chơn thiệt, thì biết tự tâm cũng chẳng phải có chẳng phải không.

- Vì hạng phàm phu luôn sanh tâm nên gọi là hữu. Tiểu thừa luôn diệt tâm nên gọi là vô.

- Bồ tát và Phật chưa lúc nào sanh tâm chưa lúc nào diệt tâm, nên gọi là phi hữu phi vô tâm, cũng gọi là Trung đạo.

- Thế nên biết rằng dữ lấy tâm học pháp thì đều mê cả tâm lẫn pháp. Chẳng dữ lấy tâm học pháp thì tâm và pháp đều ngộ.

- Mê là mê nơi ngộ.

- Ngộ là ngộ nơi mê.

- Người có chánh kiến biết tâm không vô liền siêu việt mê và ngộ.

- Không có mê ngộ mới gọi là chánh tri chánh kiến.

Phụ chú:

Tự tâm chẳng phải có, vì tìm tâm tướng không thể được.

Tự tâm chẳng phải không, vì tự tâm hay sanh muôn pháp.

Huệ Năng Đại Sư trình bày: Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt. Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ. Nào ngờ tự tánh vốn chẳng động lay. Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp.

Tự tánh chính là tâm mình vốn thanh tịnh, chẳng sanh diệt và chẳng động lay là diễn tả tự tâm chẳng phải có vậy. Vốn đầy đủ và hay sanh muôn pháp là diễn tả tự tâm chẳng phải không vậy.

Kinh Lăng Già nói: Như Lai Tạng chơn không bất không. Chơn không là chẳng phải có. Bất không là chẳng phải không vậy.

Luận Khởi Tín nói: Tâm này có hai môn: Chơn như môn và sanh diệt môn.

Luận lại nói: Như thiệt không cảnh, nhơn huân tập cảnh. Chơn như môn và như thiệt không cảnh là tự tâm chẳng phải có. Sanh diệt môn và nhơn huân tập cảnh là tự tâm chẳng phải không vậy.

Kinh Kim Cang nói: Tất cả Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai khác. Pháp vô vi là tự tâm chẳng phải có. Có sai khác, là tự tâm chẳng phải không vậy. Rời có lìa không, chẳng dừng ở chặng giữa, đây gọi là trung đạo. Cũng không có trung đạo để

an trụ.

Kinh Kim Cang dạy: Phải không có chỗ trụ mà sanh tâm kia… Nếu tâm có chỗ trụ chánh là chẳng phải trụ. Không chỗ trụ và chẳng phải trụ là tâm chẳng phải có. Sanh tâm kia và nếu tâm có chỗ trụ là tâm chẳng phải không. Chẳng phải có tâm chẳng phải không tâm là thiệt vô trụ. Đây gọi là chánh kiến chánh tri vậy.

VIII. SẮC TÂM BẤT NHỊ

- Sắc chẳng tự nó là sắc, mà do tâm mới là sắc.

- Tâm chẳng tự nó là tâm, mà do sắc mới là tâm.

- Vì thế nên biết rằng tâm và sắc cùng sanh lẫn nhau cùng diệt lẫn nhau.

- Hữu là hữu nơi vô, còn vô là vô nơi hữu.

- Đây gọi là chơn kiến.

Phụ chú:

Kinh Thủ Lăng Nghiêm: Do tâm sanh mà pháp sanh, cũng do pháp sanh mà tâm sanh. Do tâm diệt mà pháp diệt, cũng do pháp diệt mà tâm diệt.

Đã là do thì sanh diệt chính là chẳng sanh diệt, chỉ như huyễn hóa thôi.

IX. CHƠN KIẾN VÔ KIẾN

- Luận về chơn kiến: Không gì chẳng thấy mà không chỗ thấy. Thấy khắp mười phương mà chưa bao giờ có thấy. Vì không cái bị thấy, không cái hay thấy. Vì thấy mà chẳng phải thấy vậy.

- Chỗ thấy của phàm phu đều là vọng tưởng.

- Nếu tịch diệt không thấy mới gọi là chơn kiến.

- Tâm và cảnh đối nhau sanh ra sự thấy.

- Nếu trong không khởi tâm thì ngoài chẳng sanh cảnh. Tâm và cảnh đồng tịch tịnh gọi là chơn kiến.

- Hiểu biết như đây gọi là chánh kiến.

- Không thấy tất cả pháp gọi là đắc đạo.

- Chẳng hiểu tất cả pháp gọi là hiểu pháp.

- Vì thấy cùng chẳng thấy đều không.

- Vì hiểu cùng chẳng hiểu đều không.

- Thấy mà chẳng thấy mới gọi là chơn kiến.

- Hiểu mà chẳng hiểu mới gọi là thiệt hiểu.

- Luận về chánh kiến: Chẳng phải chỉ thấy nơi thấy mà cũng thấy nơi chẳng thấy.

Luận về thiệt hiểu: Chẳng phải chỉ hiểu nơi hiểu mà cũng hiểu nơi chẳng hiểu.

- Phàm có chỗ hiểu đều gọi là chẳng hiểu.

- Không chỗ hiểu mới gọi là thiệt hiểu.

- Hiểu và không hiểu đều chẳng phải hiểu.

- Kinh dạy rằng: Chẳng xả trí huệ gọi là ngu si.

- Không tâm thì hiểu cùng chẳng hiểu đều chơn.

- Có tâm thì hiểu cùng chẳng hiểu đều vọng.

- Lúc hiểu thì pháp theo người.

- Lúc không hiểu thì người theo pháp.

- Nếu pháp theo người thì phi pháp thành pháp.

- Nếu người theo pháp thì pháp thành phi pháp.

- Nếu người theo pháp thì pháp đều vọng.

- Nếu pháp theo người thì pháp đều chơn.

- Vì thế nên Thánh nhân chẳng đem tâm cầu pháp, chẳng đem pháp cầu tâm, chẳng đem tâm cầu tâm, cũng chẳng đem pháp cầu pháp.

- Do đây nên nơi Thánh nhơn: Tâm không sanh pháp, pháp không sanh tâm. Tâm và pháp tịch tịnh cả hai mà thường ở tại chánh định.

- Tâm chúng sanh khởi thì Phật pháp diệt.

- Tâm chúng sanh diệt thì Phật pháp sanh.

- Tâm sanh thì chơn pháp diệt.

- Tâm diệt thì chơn pháp sanh.

- Người đã biết tất cả pháp đều chẳng hệ thuộc nhau, đây gọi là người đắc đạo.

- Người biết tâm chẳng hệ thuộc tất cả pháp, người này thường ở tại đạo tràng.

Phụ chú:

Phàm có chỗ thấy thì quyết định có chỗ không thấy. Thế nên không thấy tất cả có nghĩa là đã thấy rõ tất cả, vì không năng không sở, đây gọi là chơn kiến.

Có tâm nhận được cảnh, đây gọi là sự thấy biết hư vọng.

Tâm không cảnh không, đây gọi là chơn tri chơn kiến.

Duy Thức Luận nói: Nếu hiện tiền còn có cảnh sở đắc là còn hư vọng chưa thấy được thiệt tánh. Nếu trí và cảnh đều bặt dứt, rời hẳn năng duyên và sở duyên, đây là thiệt an trụ nơi Duy thức tánh.

Kinh Bát Nhã nói: Không thấy không nghe là chơn Bát Nhã.

Kinh Tịnh Danh cũng bảo: Thuyết giả không nói không dạy, thính giả không nghe không được. Đây là Bồ tát trí.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Động tịnh trọn chẳng sanh. Năng văn và sở văn đều hết. Năng giác và sở giác đều không. Đây là nhập viên thông.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm lại dạy: Nếu hay chuyển vật thì đồng với Như Lai.

Pháp theo người thì người hay chuyển vật. Chuyển vật thì tâm không hệ thuộc tất cả pháp. Cốt yếu là thiệt hiểu vậy.

X. TỘI TÁNH BỔN KHÔNG

- Lúc mê có tội, lúc ngộ không tội. Vì tánh của tội vốn không.

- Khi mê: không tội mà thấy là tội.

- Khi ngộ: Chính nơi tội mà chẳng phải là tội. Vì tội vốn không nơi, không chỗ.

- Kinh dạy rằng: Các pháp vốn vô tánh.

- Chơn dụng chớ nghi ngờ, nếu nghi thì thành tội. Vì tội do nghi hoặc mà phát sanh.

- Người ngộ được ý này thì tội nghiệp đời trước liền tiêu diệt.

Phụ chú:

Tội từ vọng tâm phát khởi. Tâm đã không thì tội đâu còn. Lại nữa, tội vốn không tự tánh. Không tánh là thiệt tánh. Thiệt tánh là tánh phước đức.

Kinh Pháp Hoa nói: Thấu rõ tướng tội phước chiếu khắp cả mười phương.

Tánh của tội là tánh của phước, là tánh của tất cả pháp.

Thấy tánh thì thành Phật.

XI. ĐẮC VÔ SỞ ĐẮC

- Lúc mê: sáu thức, năm ấm đều là pháp phiền não sanh tử.

- Lúc ngộ: sáu thức, năm ấm đều là pháp Niết bàn vô sinh.

- Người hành đạo chẳng cầu đạo nơi ngoài, vì biết rằng chính tâm mình là đạo.

- Nếu được tâm, không có tâm để được.

- Nếu đắc đạo, không có đạo để đắc.

- Nếu cho rằng đem tâm cầu đạo để đắc, gọi là tà kiến.

- Lúc mê: có Phật, có pháp. Lúc ngộ: không Phật, không pháp.

Vì chính ngộ là Phật là pháp vậy.

Phụ chú:

Tánh mình vốn thanh tịnh đầy đủ tất cả công đức ở phàm không khuyết giảm.

Kinh Kim Cang có câu Phàm phu ấy chẳng phải là phàm phu. Chỉ tại mê mà không tự nhận lấy tánh mình nên kinh nói tiếp: Đây gọi là phàm phu.

Ở Thánh tánh ấy cũng chẳng tăng thêm nên kinh Kim Cang dạy: Đệ nhứt Ba la mật chẳng phải đệ nhứt Ba la mật. Chỉ do ngộ mà nhận được tánh ấy, nên kinh nói tiếp: Đây gọi là đệ nhứt Ba la mật.

Đã thiệt ngộ thì tự tánh phô bày, nên chính ngộ là tự tánh, tự tánh là ngộ. Không kia đây đối lập nên không hay được, không bị được. Kinh Kim Cang dạy: Nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đức Phật không được chút pháp nào.

Tổ Sư bảo: Bảo Tăng nhà mình không đoái hoài lại đi cầu nơi ngoài làm chi. (Lời Mã Tổ bảo Huệ Hải).

XII. THÂN DIỆT ĐẠO THÀNH

- Luận về người hành đạo, thân diệt đạo thành, như mày hột giống nứt rã mầm cây mọc lên.

- Cái thân nghiệp báo này vô thường, nó biến đổi từng mỗi niệm, không có chút gì nhứt định.

- Người hành đạo chỉ cần theo từng niệm mà tu tập. Nhưng chẳng được nhàm sanh tử hay thích sanh tử. Cần nhứt trong mỗi niệm chẳng sanh vọng tưởng. Tu tập như đây thì hiện đời chứng Hữu dư y Niết bàn, khi bỏ thân nhập Vô sanh pháp nhẫn.

Phụ chú:

Kinh Kim Cang dạy: Không có pháp nhứt định. Nhơn vì không nhứt định nên có thể tà, có thể chánh, có thể ác, có thể thiện, có thể vọng, có thể chơn.

Tà, ác và vọng là phàm phu.

Chánh, thiện và chơn là Thánh đức.

Hành giả phải tự mình cảnh giác từng niệm để tu tập. Thế nào là tu tập?

Tránh tà ác vọng, gìn tánh thiện chơn. Cho đến mỗi niệm chẳng sanh vọng tưởng phân biệt đây mới là chơn thiệt tu tập vậy.

XIII. THOÁT CĂN LY TRẦN

- Lúc mắt thấy sắc chẳng nhiễm nơi sắc, lúc tai nghe tiếng chẳng nhiễm nơi tiếng, đây đều gọi là giải thoát.

- Mắt chẳng đắm nơi sắc thì mắt là thiền môn.

- Tai chẳng đắm nơi tiếng thì tai là thiền môn.

- Tóm lại, người thấy sắc nếu thấy tánh của sắc thì chẳng nhiễm đắm, đây là thường giải thoát.

- Người thấy sắc nếu thấy tướng của sắc thì có nhiễm đắm, đây là thường hệ phược.

- Chẳng bị phiền não hệ phược gọi là giải thoát, chẳng có giải thoát nào khác.

- Người khéo quán sát nơi sắc thì sắc chẳng sanh tâm, tâm chẳng sanh sắc, tâm và sắc liền thanh tịnh.

Phụ chú:

Thoát căn ly trần vô y độc thoát chẳng rời tự tánh, nên thấy sắc mà không chỗ thấy, nghe tiếng mà không chỗ nghe, sắc và thinh còn chẳng có huống là có đắm nhiễm sắc thinh ư!

Không đắm nhiễm thì phiền não không y cứ vào đâu để có được.

Không nhiễm không phiền não là không hệ phược, chính đây là giải thoát vậy.

Điểm trọng yếu là lúc thấy nghe phải thấy tánh của sắc, nghe tánh của thinh, đừng dừng nơi tướng của sắc của thinh.

Nếu dừng trụ nơi tướng của sắc thinh thì chính là đắm nhiễm, là phiền não, là hệ phược vậy.

Kinh Kim Cang dạy: Phàm sở hữu tướng đều là hư vọng.

XIV. KHÔNG TÂM TỨC THÁNH

- Lúc không vọng tưởng, một tâm niệm là một Phật quốc.

- Lúc có vọng tưởng, một tâm niệm là một địa ngục.

- Chúng sanh gây nên vọng tưởng, đem tâm sanh tâm nên thường ở địa ngục.

- Bồ tát quan sát vọng tưởng, chẳng đem tâm sanh tâm nên thường ở Phật quốc.

- Nếu chẳng đem tâm sanh tâm thì tâm tâm nhập không, niệm niệm quy tịnh, từ một Phật quốc đến một Phật quốc.

- Nếu đem tâm sanh tâm thì tâm tâm chẳng tịnh, niệm niệm về nơi động, từ một địa ngục đến một địa ngục.

- Nếu có một tâm niệm sanh khởi thì có nghiệp thiện nghiệp ác, có thiên đường có địa ngục.

- Nếu tâm niệm chẳng khởi thì không hai nghiệp thiện ác, cũng không thiên đường địa ngục.

- Thể tánh của tâm chẳng phải có chẳng phải không: phàm thì có, thánh thì không.

- Thánh nhơn không tâm nên trong lòng rỗng rang lượng đồng hư không.

Phụ chú:

Kinh Thủ Lăng Nghiêm: Tự tâm duyên lấy tự tâm, chẳng phải huyễn mà thành pháp huyễn.

Trong đây Tổ Sư nói: Đem tâm sanh tâm, thì thành vọng động mà đọa vào ác đạo.

Kẻ phàm từ muôn đời luôn đem tâm duyên lấy tâm nên mãi luân hồi sanh diệt.

Bực Thánh nhơn giải thoát thường trụ là do đâu?

Chỉ vì Thánh nhơn chẳng đem tâm duyên lấy tâm, chẳng sanh tâm khởi niệm nên nhập không mà thành tịnh.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy tiếp: Chẳng duyên lấy thì không phi huyễn. Phi huyễn còn chẳng sanh, huyễn pháp đâu lập được. Đây gọi là Diệu Liên Hoa Kim Cang Vương Bửu Giác…

XV. PHÁP KHÔNG

- Từ đây nhẫn xuống đều là chỗ chứng đắc của Đại thừa, chẳng phải là cảnh giới của phàm phu và Nhị thừa vậy.

- Lúc tâm được Niết bàn thì chẳng thấy có Niết bàn. Vì chính tâm là Niết bàn.

- Nếu ngoài tâm còn thấy Niết bàn, đây gọi là tà kiến.

Phụ chú:

Thấy có pháp ngoài tâm, đây là mê vọng tà kiến, mặc dù pháp ấy gọi là Niết bàn.

Tại sao vậy?

Vì người này còn pháp chấp, chưa thấy tự tánh vậy.

XVI. TỨC TÂM TỨC PHẬT

- Tất cả phiền não là Như Lai chủng, vì do phiền não mà được trí huệ.

- Chỉ nên gọi phiền não sanh Như Lai mà chẳng được nói phiền não là Như Lai.

- Thân và tâm chúng sanh dụ như thửa ruộng, phiền não dụ như hột giống, trí huệ dụ như mầm mạ, Như Lai dụ như thóc lúa.

- Phật ở trong tâm như hương trong lõi gỗ. Nếu sạch lớp dác mục thì hơi hương từ lõi gỗ thoát ra. Nếu phiền não hết thì Phật từ nội tâm xuất hiện.

- Do đây mà biết rằng ngoài tâm không có Phật, cũng như ngoài lõi gỗ không có hương. Nếu ngoài lõi gỗ có hương đó là tha hương, ngoài tâm có Phật đó là tha Phật vậy.

Phụ chú:

Tâm động là phiền não. Tâm chẳng động là Niết bàn. Niết bàn là Phật.

Khi động tâm là phiền não. Lúc chẳng động tâm là Niết bàn, là Phật.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Nếu người muốn biết rõ tam thế tất cả Phật, phải quán pháp giới tánh, tất cả do tâm tạo.

Ngoài tâm không pháp, tất cả pháp đều do tâm hiện, đều là tâm, tâm là tất cả pháp, đây gọi là Phật vậy.

XVII. GIÁC TÂM THANH TỊNH

- Trong tâm có tam độc thì gọi là quốc độ uế ác.

- Trong tâm không tam độc thì gọi là quốc độ thanh tịnh.

- Kinh dạy rằng: Nếu như quốc độ bất tịnh đầy những uế ác, không bao giờ có vấn đề chư Phật Thế Tôn xuất hiện trong đó.

- Bất tịnh và uế ác là vô minh, tam độc. Chư Phật Thế Tôn là tâm thanh tịnh giác ngộ.

Phụ chú:

Tất cả pháp đều do tâm hiện. Phật là giác tâm thanh tịnh.

Từ giác tâm thanh tịnh hiển hiện ra quốc độ thanh tịnh vô lượng trân bảo và sắc thân thanh tịnh vi trần tưởng hảo vậy.

XVIII. THUYẾT VÔ SỞ THUYẾT

- Tất cả ngôn ngữ không gì chẳng phải là Phật pháp.

- Nếu có thể không được chỗ nói kia thì dầu trọn ngày nói luôn mà vẫn là đạo.

- Nếu là có nơi chỗ nói kia thì dầu trọn ngày nín lặng mà vẫn là phi đạo.

- Thế nên Đức Như Lai nói năng chẳng nương nơi nín lặng. Đức Như Lai nín lặng chẳng nương nơi nói năng. Đức Như Lai nói

năng chẳng rời lìa nín lặng.

- Người tỏ ngộ được ý của sự nói nín này thì đều ở tại chánh định.

Phụ chú:

Kinh dạy rằng: Không có pháp nói được gọi là thuyết pháp.

Không ngã không pháp rời tứ tướng, nói mà không nói không dạy, nghe cũng không nghe không được, kinh Bát Nhã gọi đó là chơn Bát Nhã vậy.

Nói năng chẳng rời lìa nín lặng. Đó là nơi ở tại nín, là chiếu mà tịch.

Kinh Tịnh Danh có câu: Chẳng khởi diệt tận định mà hiện các oai nghi.

Phó Đại Sĩ lên pháp tọa im lặng vỗ thủ xích rồi bước xuống. Bửu Chí Công nói: Đại sĩ đã giảng xong kinh Kim Cang.

XIX. THỜI THUYẾT THỜI MẶC

- Nếu biết thời mà nói, dầu nói cũng vẫn giải thoát.

- Nếu chẳng biết thời mà nín, dầu nín cũng là hệ phược.

- Nói năng nếu rời tướng, dầu nói cũng là giải thoát.

- Nín lặng mà trước tướng, dầu nín cũng là hệ phược.

Phụ chú:

Trong khế kinh đức Như Lai thường tuyên bố: Ngã tự tri thời.

Phải thời đúng lúc thì mình và người đều được lợi ích. Phải

thời mà nín, sự im lặng ấy là giải thoát.

Đúng lúc hiệp cơ mà nói, sự nói này mới lợi ích đôi bên.

Thế nào là phải thời?

Nơi tâm rời lìa tất cả tướng vậy.

XX. VĂN TỰ TỨC GIẢI THOÁT

- Xét về văn tự, bổn tánh văn tự là giải thoát.

- Văn tự chẳng đến được hệ phược, mà hệ phược từ nào cũng chưa đến được văn tự.

Phụ chú:

Có câu: Văn tự tánh ly tức thị thiệt tánh.

Vì tính chấp trệ nơi văn tự nên tâm tự ràng buộc. Văn tự vốn vô tâm nào quan sanh tử.

Trong kinh Tịnh Danh, Thiên nữ bảo ngài Xá Lợi Phất: Chớ cho rằng hoa này là chẳng đúng pháp. Vì hoa này không phân biệt. Chính ngài tự sanh tưởng niệm phân biệt. Thiên nữ lại nói: Ngôn thuyết văn tự đều là tướng giải thoát. Vì giải thoát không trong ngoài chặng giữa, văn tự cũng không trong không ngoài không chặng giữa.

XIX. THỪA PHI ĐỂ HIỂN THỊ

- Pháp không có cao hạ sai biệt.

- Nếu thấy cao hạ là phi pháp vậy. Phi pháp làm bè gỗ. Người nương bè gỗ này mà qua khỏi phi pháp thì là thị pháp vậy.

Phụ chú:

Kinh Kim Cang nói: Thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ.

Luận Khởi tín nói: Từ bổn giác mà có bất giác. Y cứ nơi bất giác mà có thỉ giác. Thỉ giác cứu cánh tức đồng bổn giác, không có thỉ giác riêng.

XXII. THIỆT TƯỚNG VÔ TƯỚNG

- Cứ nơi thế tục mà nói thì có nam, có nữ, có sang, có hèn.

- Cứ nơi đạo mà nói thì không nam nữ sang hèn.

- Vì thế nên Thiên nữ ngộ đạo không đổi thân nữ. Xa Nặc đắc đạo đâu dời tên hèn. Do vì nam nữ sang hèn đều là vô tướng.

- Trong mười hai năm Thiên nữ tìm không được tướng nữ của mình. Cứ theo đây cũng biết rằng cầu tướng nam cũng không thể được.

- Mười hai năm tiêu biểu thập nhị nhập vậy.

Phụ chú:

Đạt Ma Sư Tổ nói: Nếu ngộ thiệt tướng thì thấy phi tướng.

Kinh Kim Cang dạy: Nếu thấy các tướng đều chẳng phải tướng là thấy Như Lai. Như Lai pháp thân là thiệt tướng vậy.

Tất cả pháp bổn lai đều chẳng phải tướng, đều không tướng, nào chỉ có thập nhị nhập là không tướng, nào chỉ có nam nữ sang hèn là không tướng!

XXIII. NHỨT THỂ BÌNH ĐẲNG

- Lìa tâm không Phật, lìa Phật không tâm. Cũng như rời băng không nước, rời nước không băng.

- Nói là lìa tâm, chẳng phải bảo xa lìa tâm, mà chính là bảo chẳng được nắm lấy tướng của tâm.

- Kinh dạy: Chẳng thấy tướng gọi là thấy Phật. Đây chính là lìa tướng của tâm vậy.

Phụ chú:

Thấy có tướng là vọng chấp. Vì phàm có tướng đều là hư vọng cả.

Vọng chấp do khởi niệm. Luận Khởi Tín nói: Tất cả chúng sanh từ nào đến giờ niệm niệm nối nhau chưa từng rời niệm gọi là vô thỉ vô minh.

Vì thế nên vô niệm thì không thấy có tướng mà tất cả vọng chấp đều không, pháp thân Phật hiển hiện vậy.

XXIV. KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT

- Nói rời tâm không có Phật, là nói Phật từ nơi tâm mà xuất sanh, tâm xuất sanh được Phật.

- Dầu Phật từ nơi tâm mà sanh nhưng tâm chưa bao giờ sanh Phật. Cũng như loài cá từ nơi nước sản sanh, nhưng nước chẳng sanh loài cá.

- Người muốn xem cá, lúc chưa thấy được cá đã thấy nước trước.

- Người muốn quán Phật, lúc chưa thấy được Phật đã thấy tâm trước.

- Lúc đã thấy cá tất quên nước.

- Khi đã thấy Phật tất quên tâm.

- Nếu còn chưa quên tâm thì còn bị tâm làm mê lầm.

- Nếu còn chưa quên nước thì còn bị nước làm mê lầm.

Phụ chú:

Tánh vốn vô tướng. Thấy vô tướng là thấy tánh.

Tâm vốn vô niệm. Được vô niệm là thấy tâm.

Hay quán vô niệm là hướng về Phật trí.

Hay đạt vô tướng là thấy Như Lai.

Không niệm ly và đắc, không tướng năng và sở, mới là viên mãn Phật trí, mới là thành tựu Như Lai vậy.

Kinh Kim Cang nói: Lìa tất cả tướng gọi là chư Phật.

XXV. NHỨT THỂ ĐỒNG QUAN

- Chúng sanh với Bồ đề như băng cùng với nước.

- Bị tam độc phiền nhiễu gọi là chúng sanh.

- Được ba môn giải thoát lóng sạch gọi là Bồ đề.

- Cũng như bị mùa đông rét lạnh đông cứng lại gọi là băng. Được nắng hạ tan lỏng gọi là nước.

- Nếu bỏ băng tất không nước.

- Nếu bỏ chúng sanh tất không Bồ đề.

- Trên đây chứng rõ ràng tánh chất của băng là tánh chất của nước. Tánh thể của chúng sanh là tánh thể của Bồ đề.

- Chúng sanh cùng Bồ tát đồng một thể tánh.

- Mê và ngộ khác cảnh nên có hai danh từ chúng sanh với Bồ đề.

- Như vì thời tiết sai khác nên đồng một gốc mà có hai tên ô đầu cùng phụ tử.

- Thế nên rắn hóa rồng chẳng đổi vảy. Phàm thành Thánh chẳng đổi mặt.

Phụ chú:

Thập pháp giới đồng một thể tánh!

Tánh thể bình đẳng nhứt vị vốn không tướng thánh phàm tịnh uế. Chỉ do mê với ngộ mà tự sai khác. Dầu sai khác nhưng vẫn là tánh thể nhứt vị bình đẳng.

Nên có câu: Sanh tử tức Niết bàn. Và câu: Phiền não tức Bồ đề. Cùng câu: Chúng sanh tức Phật.

Như chất ướt đồng nhứt theo duyên ấm lạnh mà thành nước thành băng. Chất ướt của băng là chất ướt của nước. Băng cứng rắn, nước lỏng chảy khác nhau mà chất ướt vẫn một.

Gặp lạnh đông lại thành băng cứng, chất ướt vẫn không giảm, không nhơ, không mất.

Gặp ấm tan ra thành nước lỏng, chất ướt vẫn không tăng, không sạch, không sanh.

Cũng vậy, thập pháp giới đồng một thể chơn như.

Theo mê triền phược thành chúng sanh, chơn tánh vẫn bất giảm bất uế bất diệt.

Theo ngộ giải thoát thành Phật, chơn tánh vẫn bất tăng bất

tịnh bất sanh.

Kinh Bát Nhã dạy: Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Kinh lại nói: Thị chư pháp không tướng: bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

XXVI. ĐỘ VÔ SỞ ĐỘ

- Ở trong, trí biết tâm. Ở ngoài, giới soi thân.

- Thật là, chúng sanh độ Phật, Phật độ chúng sanh. Đây gọi là bình đẳng.

- Nói chúng sanh độ Phật là nói từ phiền não phát sanh trí tỏ ngộ.

- Nói Phật độ chúng sanh là nói trí tỏ ngộ diệt phiền não.

- Vì thế nên biết rằng chẳng phải không có phiền não, chẳng phải không có trí tỏ ngộ.

- Nếu chẳng phải phiền não thì không từ đâu để có trí tỏ ngộ, Nếu chẳng phải trí tỏ ngộ thì không do gì để dứt diệt phiền não.

- Khi mê Phật độ chúng sanh. Lúc ngộ chúng sanh độ Phật.

- Tại sao vậy?

- Vì Phật chẳng tự thành mà do chúng sanh độ vậy.

- Chư Phật lấy vô minh làm cha, tham ái làm mẹ.

- Vô minh và tham ái là biệt danh của chúng sanh vậy.

Phụ chú:

Kinh Kim Cang dạy: Bồ tát độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh nhập Vô dư Niết bàn mà không có một chúng sanh được diệt độ. Tại sao vậy?

Vì chúng sanh không tướng chúng sanh, Niết bàn không tướng Niết bàn. Không tướng đây là pháp thân thiệt tướng.

Kinh Pháp Hoa nói: Chúng sanh vốn thành Phật đạo.

Kinh lại dạy: Tất cả chúng sanh bổn lai thường trụ vào nơi pháp Niết bàn Bồ đề.

Kinh Tịnh Danh cũng nói: Tất cả chúng sanh là tướng Niết bàn chẳng còn lại phải diệt độ nữa.

Chư Phật và chư Bồ tát luôn luôn độ chúng sanh mà vẫn không chúng sanh được độ. Lý này thâm diệu vậy thay!

XXVII. NHƯ LAI VÔ TRỤ

- Khi mê gọi là ở tại thử ngạn.

- Lúc ngộ gọi là ở tại bỉ ngạn.

- Nếu biết tâm không, chẳng còn thấy tướng thì lìa rời cả mê và ngộ.

- Đã rời cả mê và ngộ nên cũng không bỉ ngạn. Đức Như Lai chẳng ở thử ngạn bỉ ngạn cũng chẳng ở trung lưu.

- Trung lưu là nói Nhị thừa. Thử ngạn là nói phàm phu. Bỉ ngạn là nói phàm phu. Bỉ ngạn là nói Bồ đề.

Phụ chú:

Thử ngạn bỉ ngạn và trung lưu đều là tướng đối đãi.

Vì có thử ngạn phàm phu nên nói là Bồ đề bỉ ngạn.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Nhơn vì vọng mà nói chơn. Cả vọng lẫn chơn đều là vọng cả hai.

Vì rời hẳn cả hai thứ vọng: Vọng và chơn, nên gọi là Phật, là Như Lai.

Do đây nên biết rằng: Chư Phật rốt ráo vô trụ, không trụ nơi vọng, thử ngạn và trung lưu, không trụ nơi chơn bỉ ngạn vậy.

XXVIII. TÁNH CỤ TAM THÂN

- Phật có ba thân: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Hóa thân cũng gọi là Ứng thân.

- Nếu chúng sanh thường làm điều lành là Hóa thân.

- Đương tu trí huệ là Báo thân.

- Hiện giác ngộ vô vi là Pháp thân.

Phụ chú:

Chư Phật chứng tự tánh hiển hiện ba thân.

Chúng sanh dầu chưa hiển hiện nhưng tự tánh vẫn đủ ba thân nên gọi là tánh cụ. Biết tánh cụ ba thân, thuận theo tánh thì ba thân hiển hiện vậy.

XXIX. PHẬT THÂN LY TƯỚNG

- Thường hiện thân mười phương theo cơ nghi tế độ là Hóa thân Phật vậy.

- Nếu dứt sạch ngũ trụ hoặc ngồi đạo tràng thành Phật là Báo thân Phật vậy.

- Vô ngôn vô thuyết vô đắc lặng dừng thường trụ là Pháp thân Phật vậy.

- Nếu y cứ nơi chí lý để luận thì một thân còn không huống là có tới ba.

- Nói có ba thân, đó là y cứ nơi trí nhận hiểu của chín giới chúng sanh mà nói thôi.

- Người chia làm ba hạng: hạ, trung, thượng.

- Người hạ trí vọng làm lành tạo phước, do phước lực mà thấy Hóa thân Phật.

- Người trung trí vọng dứt phiền não thấy Báo thân Phật.

- Người thượng trí chiếu suốt vắng bặt hoàn toàn, rõ tâm là Phật, chẳng đem tâm để được Phật trí. Biết ba thân Phật cùng vạn pháp đều chẳng thể nắm lấy chẳng thể nói được. Đây là tâm giải thoát thành đại đạo. Nêu bày ý rốt ráo này, trong *Khế Kinh* có nói: Phật chẳng thuyết pháp, chẳng độ sanh, chẳng chứng Bồ đề.

Phụ chú:

Khởi Tín Luận Trực Giải nói: Chơn như pháp vốn không có sắc tướng thấy được. Sắc thân tướng hảo của Chư Phật mà cửu giới chúng sanh thấy được đó, chỉ là tùy theo tâm nhiễm huyễn của chúng sanh mà biến hiện. Như sắc thân này cũng chẳng phải có trong tánh bất không của bổn giác. Tại sao vậy?

Vì bổn giác trí chẳng phải là tướng có thể thấy được vậy. Phật thân bổn lai còn không sắc tướng thấy được, huống là thiệt có chứng Bồ đề, có độ sanh, có thuyết pháp ư!

Kinh *Duy Ma Cật* nói: Không lời nói rời sự vấn đáp đó là nhập bất nhị pháp môn.

Luận Khởi Tín cũng nói: Rời tướng ngôn thuyết, rời tướng danh tự, rời tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không có biến đổi khác, chẳng thể phá hoại được, chỉ là nhứt tâm nên gọi là Chơn như. Chứng rốt ráo chơn như gọi là Phật. Bực thượng thượng trí đến được đây vậy.

XXX. VÔ TÂM VÔ NGHIỆP

- Chúng sanh tạo nghiệp, nghiệp chẳng tạo chúng sanh.

- Đời này tạo nghiệp đời sau lãnh báo không thời kỳ thoát khỏi.

- Chỉ có bực chí nhơn thân đời này chẳng tạo nghiệp nên không lãnh báo đời sau.

- Kinh dạy: Chẳng tạo nghiệp tự nhiên đắc đạo. Người tạo được nghiệp, nghiệp không tạo được người. Nếu người tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng sanh. Nếu người không tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng diệt. Thế nên biết rằng: Nghiệp do người tạo, người do nghiệp sanh. Nếu người không tạo nghiệp thì nghiệp không từ đâu để sanh được người. Cũng như người hay hoằng đạo, mà đạo chẳng hoằng được người.

- Phàm phu luôn luôn tạo nghiệp lại vọng cho là không quả báo. Há lại tối thiểu chẳng bị khổ ư! Nếu nhận là tối thiểu khổ mà dùng tiền tâm tạo báo ở hậu tâm thì đâu có thời kỳ giải thoát. Nếu tiền tâm chẳng tạo thì không có báo ở hậu tâm, lại đâu còn vọng thấy có nghiệp báo.

- Kinh dạy: Dầu tin có Phật mà nói Phật có khổ hạnh, đây gọi là tà kiến.

- Dầu tin Phật mà nói Phật có báo kim thương, mã mạch, đây là hạng Nhứt xiển đề.

Phụ chú:

Luận Khởi Tín nói: Tất cả pháp chỉ y cứ nơi vọng niệm mà hiển hiện sai biệt. Nếu rời vọng niệm thì không tất cả tướng cảnh giới.

Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* bảo: Nếu người phát chơn quy nguyên, với người ấy, mười phương thế giới đều tiêu mất.

Rời vọng niệm là chi? Là vô niệm vậy.

Phát chơn quy nguyên là gì? Là chứng chơn tâm thường trụ, là chứng chơn như vậy.

Vô niệm thì chứng chơn như. Chứng chơn như thì vô niệm.

Luận Khởi Tín nói: Nếu được vô niệm thì gọi là nhập chơn như.

Vô niệm thì không tất cả tướng, không tất cả cảnh giới, tiêu mất tất cả mười phương không gian thế giới, huống còn là nghiệp với báo ư! Tại sao vậy? Vì năng thủ đã không thì sở thủ tất chẳng có.

Người nói Phật còn có nghiệp thừa báo dư, là người chưa hiểu Phật, là người hủy báng Phật.

Nói Phật có tu có chứng là người tà kiến.

Người học đạo đâu nên chẳng cẩn thận nhận định thay!

XXXI. DUY TÂM

- Thấy thánh pháp gọi là thánh nhơn.

- Thấy phàm pháp gọi là phàm phu.

- Nếu bỏ phàm pháp đến thánh pháp thì phàm phu liền thành thánh nhơn vậy.

- Kẻ ngu trong đời chỉ muốn cầu tìm bực thánh mà họ chẳng tin chính tâm trí huệ là thánh nhơn.

- Kinh dạy: Với người vô trí chớ giảng nói kinh này.

- Kinh lại dạy: Tâm là pháp.

- Người vô trí không tin tâm mình thấy pháp liền thành thánh nhơn, họ chỉ mong mỏi cầu tìm học thánh nơi ngoài. Người này sa vào tà kiến thất tâm cuồng loạn.

- Kinh dạy: Nếu thấy các tướng là chẳng phải tướng, đó là thấy Như Lai pháp thân.

- Tám muôn bốn ngàn pháp môn đều phát khởi từ một tâm. Nếu trong tâm tất cả tướng đều sạch dường như hư không thì rời khỏi tám muôn bốn ngàn phiền não. Trong thân tâm dứt hết gốc bịnh.

Phụ chú:

Tâm thánh là thánh nhơn. Tâm phàm là phàm phu.

Phàm thì thấy tất cả pháp đều là pháp phàm.

Thánh thì thấy tất cả pháp đều là pháp thánh.

Ngài Thường Bất Khinh bảo tất cả tứ chúng đều sẽ thành Phật. Cũng như Đức Như Lai lúc thành Chánh giác, Phật nhãn thấy tất cả chúng sanh bổn lai là Phật.

Nhẫn đến loài Ngạ quỷ thấy lửa thấy máu cam chịu đói khát. Loài người thấy sóng thấy nước đành chịu trôi chịu chìm. Chư Thiên thấy lưu ly thất bảo ngồi đứng tự tại.

Những sự việc trên đây đủ để xác minh rằng: Tất cả pháp duy tâm sở hiện vậy.

XXXII. ĐINH NINH KHAI THỊ

- Người phàm đương sống lo chết, đương no lo đói, đều gọi là rất mê lầm.

- Thế nên thánh nhơn chẳng tính trước, chẳng lo sau, chẳng luyến hiện tại, niệm niệm về nơi đạo.

- Nếu ai chưa ngộ được đại lý thâm diệu này phải sớm xây dựng quả lành nhơn thiên, chớ để mất cả hai vậy.

Phụ chú:

Chẳng tính chẳng lo chẳng luyến là hiện tượng của sự Ly niệm vô tâm vậy.

Luận Khởi Tín nói: Ly niệm là cốt yếu của sự tu hành. Vô niệm là đạt đến mức chứng nhập chơn như.

Tổ dùng đây để kết dạy, lại thêm nhắc khuyên người hạ căn gieo giống lành nhơn thiên để làm viễn duyên phát khởi tín căn thượng thừa, thiệt là lời cặn kẽ mà cũng là lời chí thiết vậy.

Nhưng xét lại ở cõi người cõi trời, ngoài thì ngũ dục trần cảnh quyến rũ gạt gẫm, trong thì dục vọng phiền não nhen nhúm phừng phựt dễ gây ác chướng đạo, một thuở lỡ lầm nhiều đời sa đọa thì thiên căn khó phát. Đâu bằng hồi hướng cầu về Cực Lạc thế giới, hầu Phật A Di Đà, gần gũi Quan Thế Âm Bồ tát và Đại Thế Chí Bồ tát, cùng chư Thượng Thiện Nhân làm bạn, an trụ bậc Bất thối, chứng nhập Vô sanh nhẫn, một đời bổ xứ làm Phật.

Luận Khởi Tín nói: Phải biết rằng đức Như Lai có phương tiện thù thắng để nhiếp hộ tín tâm. Đó là chuyên tâm niệm Phật phát nguyện vãng sanh Tịnh độ thường được thấy Phật xa hẳn ác đạo, như trong *Khế Kinh* có dạy: Nếu người chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, có bao nhiêu căn lành đều hồi

hướng nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc ấy, thì được vãng sanh. Vì thường thấy Phật A Di Đà nên không còn thối chuyển Vô thượng Bồ đề. Lời chỉ dạy này rất đáng được chú ý ngẫm kỹ vậy.

*

BAN ĐÊM NĂM CANH

KIẾT GIÀ PHU TỌA

Kệ rằng:

1. CANH MỘT

Canh một ngồi ngay xếp tréo chân

Thơ thới lặng soi bặt rỗng không

Nhiều kiếp đến nay chẳng sanh diệt

Nào chờ sanh diệt diệt mới không

Tất cả các pháp đều như huyễn

Bổn tánh tự không đâu chờ trừ

Nếu rõ tâm tánh không hình tượng

Lặng yên bất động tự chơn như.

Phụ chú:

Nhàn cư tịnh xử là duyên tốt. Già phu đoan tọa điều hòa khí tức là thân an.

Không tâm lóng thần ngưng niệm là tâm chánh.

Chơn tâm lồ lộ như thật không cảnh vậy.

2. CANH HAI

Canh hai ngưng thần càng sáng sạch

Chẳng khởi tưởng nhớ đồng chơn tánh

Sum la vạn tượng đều về không

Nếu thấy có không thành bịnh thánh

Các pháp vốn tự phi hữu không

Người phàm mê vọng luận tà chánh

Nếu được trong lòng luôn bất nhị

Ai bảo phàm phu mà chẳng thánh.

Phụ chú:

Chẳng nhớ tất cả pháp đó là chơn thật thiền định.

Không nhớ không niệm thời tất cả pháp đều không: không ngã, không nhơn, không phàm, không thánh, không chúng sanh, không Phật, không cảnh cũng không tâm.

Đức Như Lai tuyên bố: Đêm rồi vì Văn Thù Sư Lợi quan niệm có Phật có chúng sanh nên bị ta đày vào núi Thiết Vi.

3. CANH BA

Canh ba lòng sạch đồng hư không

Cùng khắp mười phương đâu chẳng thông

Núi sông đá vách không ngăn được

Hằng sa thế giới ở tại trong

Thế giới bổn tánh là chơn tánh

Cũng không vô tánh mà gồm trùm

Chẳng riêng chư Phật được dường ấy

Tất cả hữu tình cũng đều đồng.

Phụ chú:

Như thật bất không cảnh, tự tánh sẵn đủ hằng sa tánh đức, nơi thánh không tăng, ở phàm không giảm. Chúng sanh với Phật vẫn đồng.

4. CANH TƯ

Canh tư chẳng diệt cũng chẳng sanh

Lượng sánh không gian pháp giới bằng

Không khứ không lai không sanh diệt

Chẳng có chẳng không chẳng ám minh

Chẳng khởi kiến chấp là Phật trí

Vô danh khả danh thiệt Phật danh

Chỉ có người ngộ đây biết được

Chúng sanh chưa tỏ đâu thể rành.

Phụ chú:

Cảnh trí tương ưng không trí cảnh

Không năng không sở tuyệt tướng danh

Đạt giả tự rành như uống nước

Tâm pháp song vong viên cảnh thành.

***TỪ KHÓA: CHÙA VẠN ĐỨC, NGỘ TÁNH LUẬN, THÍCH TRÍ TỊNH, TRÍ TỊNH TOÀN TẬP**

ĐIỀU HƯỚNG BÀI VIẾT

TRÍ TỊNH TOÀN TẬP QUYỂN 20 - TỔNG HỢP CÁC BÀI KINH NGẮN, GIẢNG LƯỢC

TRÍCH LỤC QUYỂN 20 - PHÁP HOA CƯƠNG YẾU

BOTHIPHAP.BLOGSPOT.COM

TAM VÔ LẬU HỌC - GIỚI - ĐỊNH HUỆ

➤ Mười pháp giới không lìa một tâm niệm

➤ TỨ CHỦNG THANH TỊNH MINH HỐI

➤ 50 HIỆN TƯỢNG ẤM MA

⇨ Kinh Vô Lượng Thọ Giảng Ký

➤ KINH TỨ NIỆM XỨ

⇨ THỌ KHANG BẢO GIÁM

ÂM LUẬT VÔ TÌNH

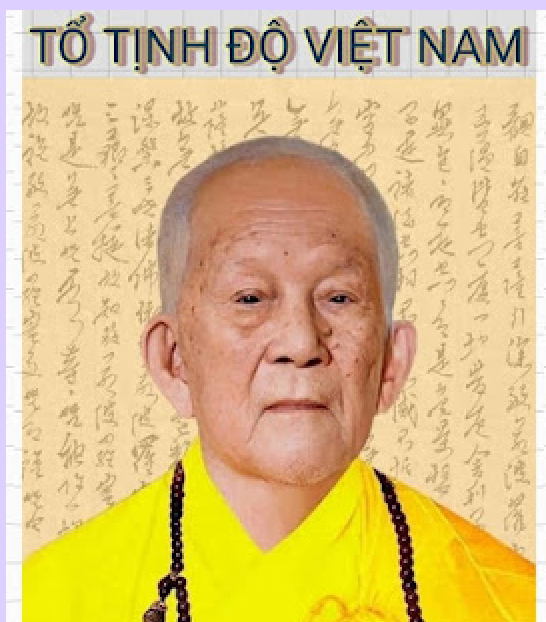
➤ Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

➤ Vạn Đức Pháp Ngữ - Hoà Thượng Thích Trí Tịnh

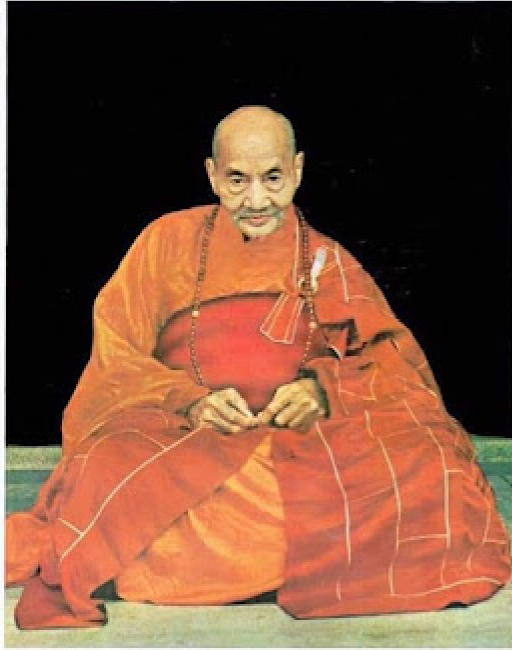
⇨ KINH VÔ LƯỢNG THỌ TINH HOA

➤ BÁT CHÁNH ĐẠO - TỨ DIỆU ĐẾ


Ấn Quang Đại Sư







ẤN QUANG ĐẠI SƯ KHAI THỊ

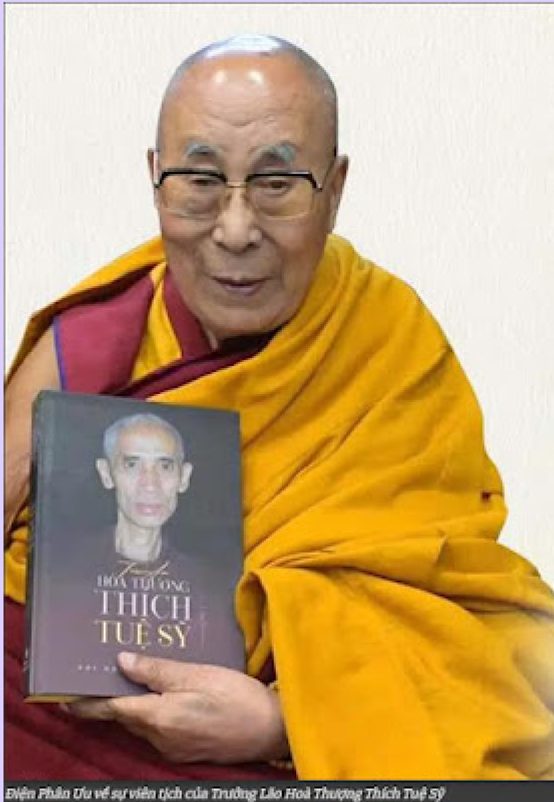
TỨ HOẰNG THỆ NGUYỆN

HÒA THƯỢNG THÍCH THIỀN TÂM

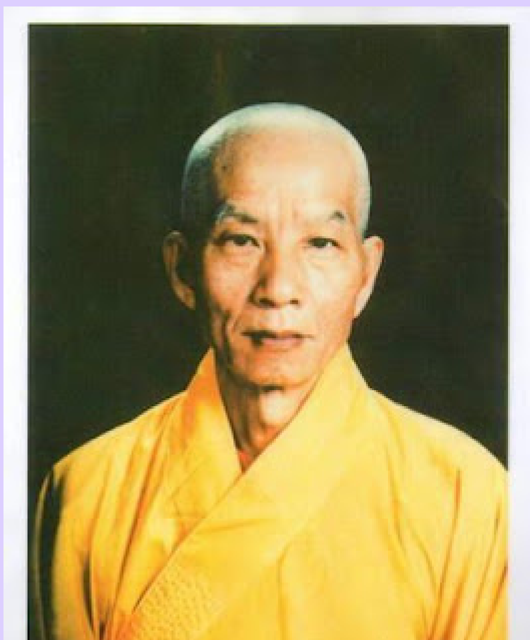




ĐẠI CƯƠNG KINH LĂNG NGHIÊM - HT.THÍCH THIỆN HOA



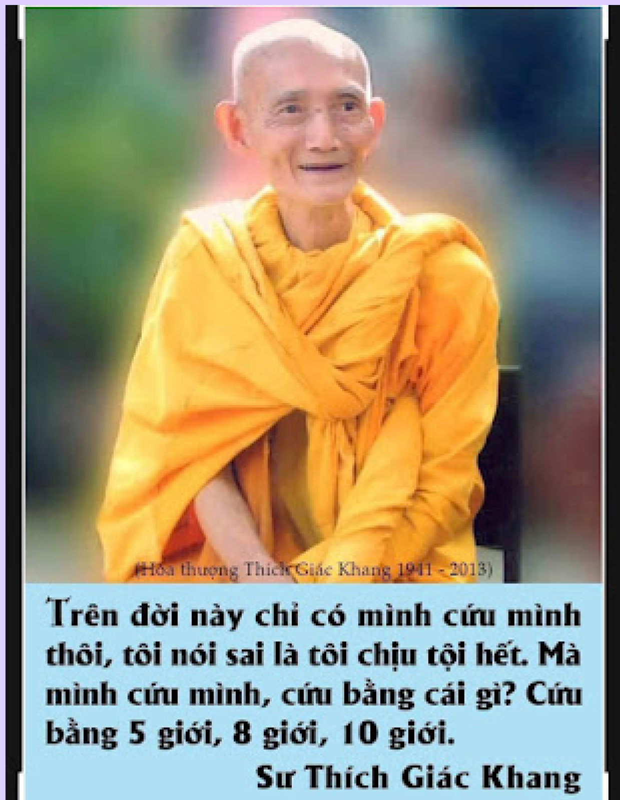
KINH TRUNG A HÀM .PDF



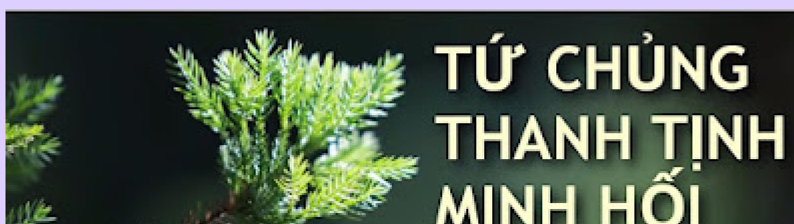


THIỀN SƯ DUY LỰC PHÁP NGỮ .MP3

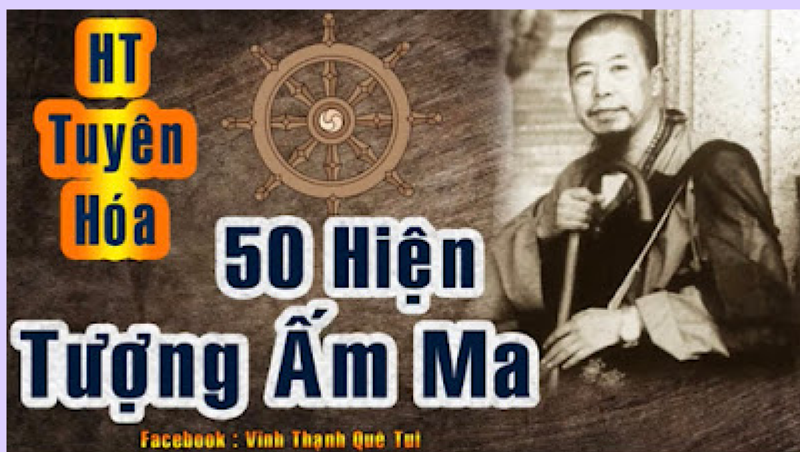
HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA PHÁP NGỮ MP3



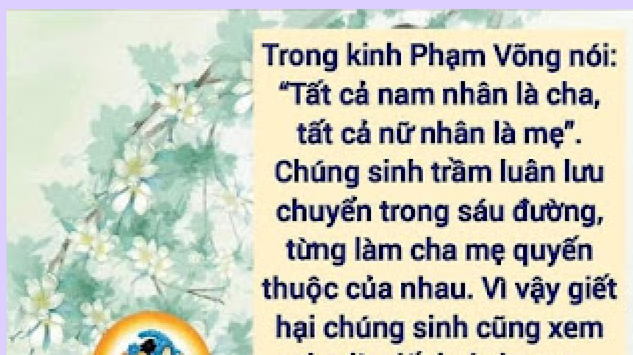




(Kinh Lăng Nghiêm)
BỐN ĐIỀU RĂN DẠY VỀ TÁNH THANH TỊNH CHÂN THẬT, KHÔNG HƯ DỐI









như là giết hại cha mẹ. Vì lý do này mà Phật nghiêm cấm sát sinh. Người đời không biết, không tin thuyết này nên mặc tình giết hại, ăn nuốt lẫn nhau. Quý vị cần tin sâu nhân quả.

Nam Mô A Di Đà Phật

Vô Thường

Ngày đêm như tên bắn, năm tháng
như thoi đưa. cảnh đẹp mau tàn.
Đời người tuổi trẻ qua nhanh,
chẳng mấy chốc sẽ già CHẾT hủ DIỆT,
không lưu lại dấu vết,
đủ thấy mọi thứ thật VÔ THƯỜNG.

Việc SANH TỬ ĐẠI SỰ
chưa giải quyết xong thì cũng bi ai
đau khổ hệt như người con
khóc cha mẹ mới chết.

Muốn dứt SANH TỬ thì phải đem hai chữ
sanh tử treo nơi giữa chân mày.
Mở mắt nhìn thì thấy vấn đề SANH TỬ,
mà nhắm mắt cũng nhìn thấy vấn đề SANH TỬ.
Lúc nào, nơi nào cũng dụng công tu hành
thì mới cắt đứt được SANH TỬ.

A MI ĐÀ PHẬT



Thường ngày niệm
" A Di Đà Phật "
là chuẩn bị cho lúc lâm
chung không bị quên mất.
Nếu ngày ngày đều niệm Phật,
thì đến lúc sắp mạng chung

chúng ta sẽ không thể nào
quên câu niệm Phật được.

BoThiPhap.Blogspot.Com

ĐỐI VỚI TẤT CẢ
CHÚNG SANH

Khó dứt trừ
nhất chính là
Dâm Dục,
Mà dễ phàm
vào nhất chính
là Giết Hại

Trong tất cả ác
nghiệp hai
nghiệp Giết Hại
và Dâm Dục là
nặng nhất





một tất thời gian là một tất vàng
nhưng tất vàng không
đổi được tất thời gian.
Hãy tinh tấn
tu hành ngay từ hôm nay
chớ hẹn ngày mai lại không kịp
cái chết đến bất ngờ
không thể nào cưỡng nổi,

Con Quỷ vô thường chẳng nể nan
người già hay trẻ nhỏ
hể tới giờ đi nó sẽ bắt mình đi.



THẾ GIAN THƯỜNG
Ỷ MẠNH HIẾP YẾU
THƯỜNG BẮT NHỮNG
CON VẬT NÀO YẾU KÉM
SỨC HƠN MÌNH
GIẾT THỊT ĐỂ ĂN.

TÂM TỪ LÀ LÀM LÀNH
TAM BI LÀ KHÔNG LÀM ÁC

MÀ CÁI GỐC CỦA NÓ
CHÍNH LÀ MÌNH KHÔNG GIẾT,
KHÔNG BẢO NGƯỜI GIẾT
ĐỂ ĂN THỊT CỦA CÁC
LOÀI CHÚNG SANH VẬY.

BOTHIPHAP.BLOGSPOT.COM

Nam Mô A Di Đà Phật



Quý vị phải nhớ năm tháng qua mau
vô thường không hẹn, thân người

dễ mất, phật pháp khó nghe.
Một khi đã mất thân người rồi thì
không biết đến bao giờ mới có lại

**Đây là những điều xác thật
cho nên muốn ngừa cơn vô
thường chợt đến mỗi thời khắc
chúng ta phải gắng niệm Phật.
Như thế, gặp giây phút cuối cùng
mới không bị bối rối tay chân**

Hoà Thượng Thích Thiền Tâm

Nam Mô A Di Đà Phật



"Nhất định phải tìm ra lỗi
lầm của chính mình.
Biết được lỗi lầm của mình,
xin thưa với quý vị,
đây gọi là khai ngộ.
Sau đó cải sửa lỗi lầm của mình,
đó gọi là tu hành"

(Pháp Sư Tịnh Không)

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

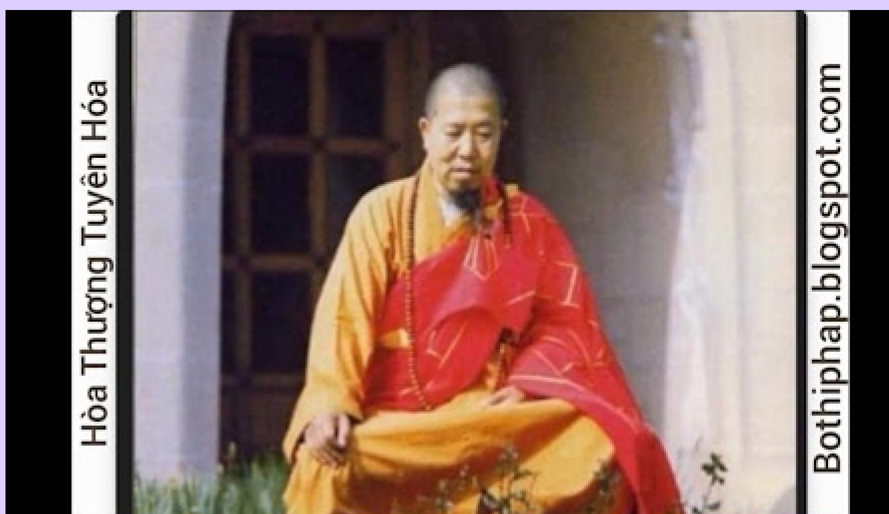


Vì sao mình cứ mê muội
mà chẳng được giác ngộ ?
Vì mình trúng phải
3 thứ độc cực độc
Là THAM
Là SÂN
Là SI.

Hoà Thượng Tuyên Hoá

bothiphap.blogspot.com

➤ KINH LUÂN CHUYỂN NGŨ ĐẠO TỘI PHƯỚC BÁO ỨNG



Chúng ta học Phật Pháp tức

là học không não hại kẻ khác.
Là Phật tử, phải nên ăn chay;
vì nếu ăn thịt tức là làm tổn
hại sinh mạng của những
chúng sanh khác.

A DI ĐÀ PHẬT

A MI ĐÀ PHẬT



Muốn Cho thiên hạ
thái bình, phải ngưng ăn
thịt chúng sinh các loài.

Muốn cho yên ổn nước nhà,
trừ phi nhân loại
đồng tình ăn chay.

BoThiPhap.Blogspot.Com

HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ





Lúc bình thường thì mình phải biết niệm Phật, tu pháp môn tịnh độ. Tới khi lâm chung thì mình mới không sinh hoảng hốt, luống cuống, mà sẽ an lạc vãng sanh về cỏi Cực Lạc.



Vì sao mình không tương ưng với đạo ? Vì tâm cuồng mình chưa ngừng,

Tâm cuồng là tâm
đầy vọng tưởng.



Nếu tâm bạn còn ham muốn, ham thích vấn vương chuyện gì, thì khi lúc lâm chung, việc đó sẽ hiện ra. Bấy giờ nếu bạn thấy cảnh đó rồi nảy lòng yêu thích, sinh tâm truy đuổi nó, thì kết quả là bạn sẽ lọt thẳng vào vòng luân hồi sinh tử.

Hòa thượng Quảng Khâm

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT



Tây Phương ở Đâu ?
ở trong tâm mình
Khi tâm vô sự,
Không phiền não
Thì đó tức là Tây Phương

Hoà Thượng Quảng Khâm

A DI ĐÀ PHẬT

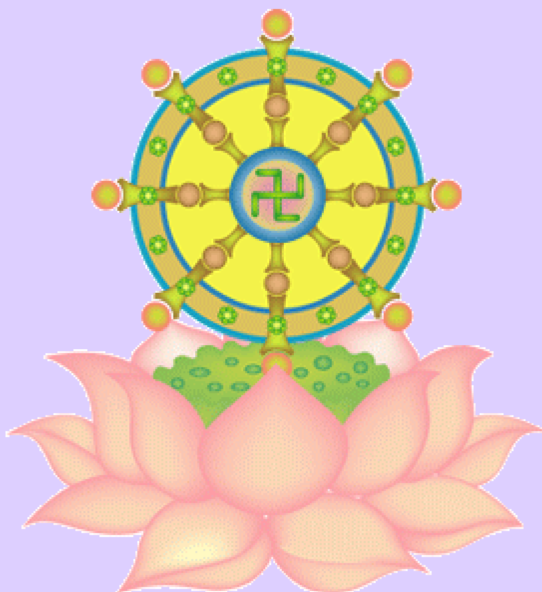
Nếu bình thường siêng năng tu Niệm Phật, tức là gieo chủng tử Phật vào trong tâm. Chủng tử Phật ngày càng phát triển mạnh, khi lâm chung chủng tử Phật xuất hiện trước, lúc ấy mới cảm ứng đạo giao với Phật và được Phật tiếp dẫn về Tây Phương Cực Lạc.

Ấn Quang Đại Sư

bothiphap.blogspot.com



Có người nghĩ rằng :
"Hôm nay mình khoan tu đã
để mai hẳng tu" ngày mai đến
lại hẹn ngày mốt
cứ thế hẹn mãi hẹn cho đến
đầu bạc răng long, mắt mờ,
tứ chi của mình
đâu còn linh hoạt nữa
nó đâu chịu nghe lời mình,
đủ thứ bịnh tật trong người,
lúc đó có muốn tu e rằng
không được nửa rồi,
thật là khổ sở vô cùng vậy.



LỜI VÀNG CỦA
HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH ĐỂ LẠI CHO ĐỜI

Mình sống trong thời Mạt Pháp , lấy sức người để tu hành cũng giống như đang ở nơi giữa dòng sông, chẳng những chung quanh toàn là nước mà còn có sóng lớn nữa hoặc nhiều khi còn xuất hiện những chỗ xoáy trũng. Do đó phải học bơi lội và phải bơi lội giỏi nghĩa là lúc nào cũng cần phải cố gắng tinh tấn đừng để phóng dật . Lại phải lập chí nguyện lớn , chí nguyện càng dõng mãnh thì nghị lực mới phi thường .

*** Và nhớ là đừng bỏ qua tu mót

Tu mót là chớ để thời gian trôi qua khi gặp được cơ hội để tu

Gặp việc thì làm việc

Rảnh việc thì nhiếp tâm niệm Phật , niệm Pháp, niệm Tâm

Dù còn trong sinh tử luân hồi , nếu cố gắng mót tu , mót phước thì cũng đầy đủ đạo pháp , nuôi lớn được thân Huệ mạng của chính mình

Nếu ai đã từng thực hành một thời gian rồi sẽ thấy :

« Tu mót đôi khi lại lợi lạc nhiều hơn các khoá tu hành chính "

Người xuất gia có sự nghiệp của người xuất gia

Cư sĩ tại gia có sự nghiệp của người tu tại gia

Chỉ là LỚN hay NHỎ mà thôi

Tuy nhiên nếu đã tạo sự nghiệp thì hãy như con NHỆN chứ đừng như con TẰM NHẢ TƠ rồi chết trong cái kén của nó

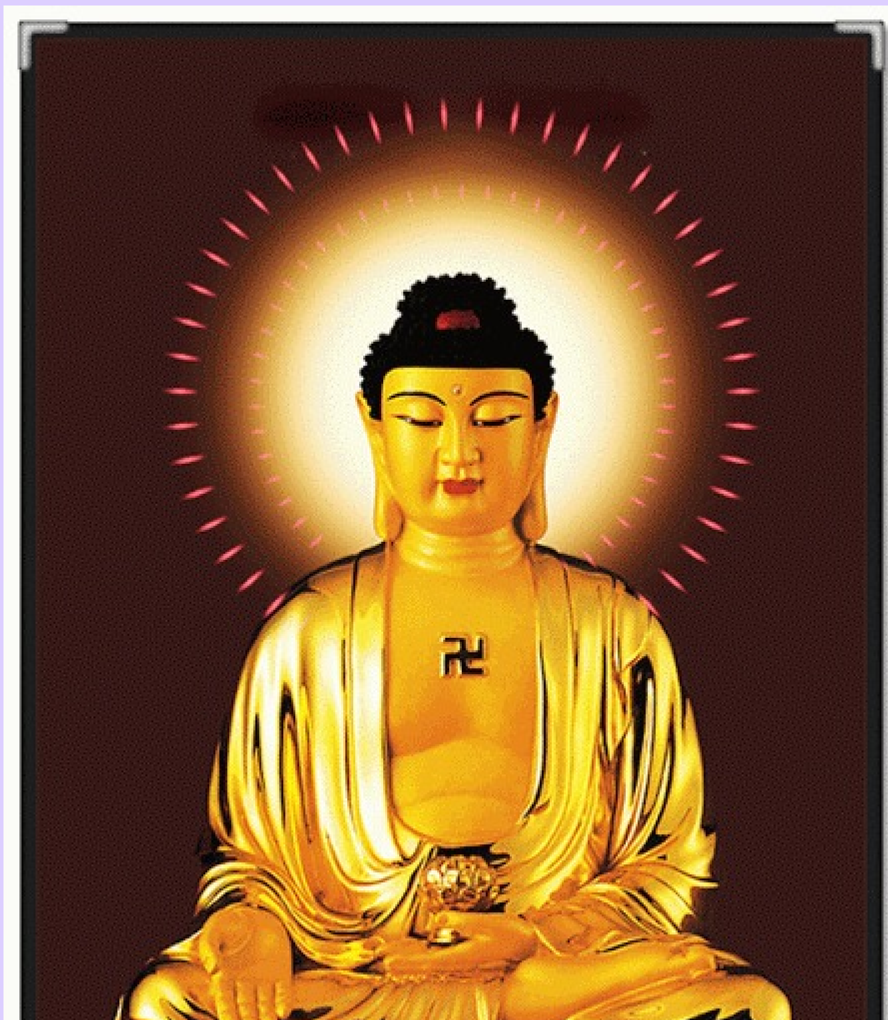
Và cuối cùng nên giữ lại trong tâm chúng ta lời vàng ngọc quý giá vô cùng như sau từ bậc chân tu nhiều kiếp

“Ngày tháng trôi qua nhanh lắm , một năm không mấy chốc đã hết rồi «

GIÀ, BỊNH, CHẾT không chừa một ai . Dù vô thường sinh tử , thân này tuy không bền lâu , nhưng mình phải cố gắng nương theo thân người này để tu hành, vượt qua biển sinh tử lên đến bờ giải thoát .

Nếu chưa được như vậy thì cũng làm nhân duyên thù thắng cho những đời sau bằng cách GIỮ ĐẠO TÂM KIÊN CỐ VÀ GIEO NHIỀU CĂN LÀNH VÀ LÀM CHO NÓ TĂNG TRƯỞNG

Pháp của Phật rất rõ ràng chỉ cầu ở nơi mình có chí nguyện và thực hành hay không thực hành mà thôi !





TỨ CHỦNG THANH TỊNH MINH HỐI

Nguyện đem công đức này trang nghiêm Phật Tịnh Độ
trên đền bốn ân nặng dưới cứu khổ ba đường
nếu có ai thấy nghe đều phát tâm Bồ Đề
hết một báo thân này đồng sanh về Cực Lạc.

ĐẠT MA SƯ TỔ

BỒ ĐỀ ĐẠT MA

TỔ BỒ ĐỀ ĐẠT MA

Bồ-đề-đạt-ma (zh. 菩提達磨, sa. *bodhidharma*, ja. *bodai daruma*), dịch nghĩa là Giác Pháp (zh. 覺法), người Ấn Độ, (~470 - 543). Ông được coi là người truyền bá và sáng lập ra Thiền học và Võ thuật tới Trung Quốc. Theo truyền thuyết Trung Quốc, ông đã truyền thụ phương pháp rèn luyện thân thể cho các nhà sư Thiếu Lâm và dẫn đến việc hình thành môn võ Thiếu Lâm. Ông cũng là cha đẻ của Thiền tông Trung Quốc.

Còn rất ít thông tin về tiểu sử của ông, chủ yếu chỉ còn lại là truyền thuyết. Truyền thuyết về nguồn gốc của ông cũng khác nhau. Tại Trung Quốc tồn tại 2 truyền thuyết về ông. Tại Ấn Độ truyền thuyết kể rằng Bồ Đề Đạt Ma là con trai thứ ba của một vị vua Pallava Tamil từ Kanchipuram, trong khi ở Nhật Bản truyền thuyết kể rằng ông đến từ Ba Tư.

Thời điểm ông đến Trung Quốc cũng khác nhau, một trong những thuyết nói rằng ông đến vào triều đại Lưu Tống (420-479) hay muộn hơn vào triều đại nhà Lương (502-557). Ông chủ yếu hoạt động tại lãnh thổ của các triều đại Bắc Ngụy (386-534). Thời kỳ truyền bá của ông khoảng vào đầu thế kỷ thứ 6.

> Ông là Tổ thứ 28 và cuối cùng sau Phật Thích-ca Mâu-ni của Thiền tông Ấn Độ và là Sơ tổ của Thiền tông Trung Quốc. Các tên gọi khác là: Bồ-đề-đạt-ma-đa-la (zh. 菩提達磨多羅), Đạt-ma-đa-la (zh. 達磨多羅), Bồ-đề-đa-la (菩提多羅), và tên viết tắt thường gặp trong văn cảnh nhà Thiền là Đạt-ma (zh. 達磨).